

Số: 134/CBTT-TA-HĐQT

TP.HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An**

Mã chứng khoán: **TAW**

Trụ sở chính: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3588 3474

Fax: (028) 3588 3475

Người thực hiện công bố thông tin: Huỳnh Hào Tài

Địa chỉ: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

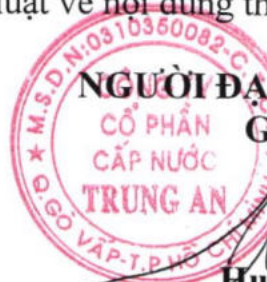
Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An công bố thông tin về Thư mời và Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cấp nước Trung An.

- Thông tin này được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 29 tháng 03 năm 2022 tại đường dẫn <http://www.capnuoctrungan.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.



**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Hào Tài

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**THƯ MỜI
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ Phần Cấp nước Trung An

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, chi tiết như sau:

1. Thời gian: 08 giờ 30', Thứ ba ngày 26 tháng 04 năm 2022

2. Địa điểm: số 5 đường số 9, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP HCM

4. Đối tượng tham dự Đại hội:

- Tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phiếu TAW có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 22/3/2022 (ngày đăng ký cuối cùng).

3. Nội dung chính của Đại hội:

- Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2021 và định hướng công tác sản xuất – kinh doanh năm 2022.

- Thông qua Báo cáo tài chính Công ty năm 2021 đã được kiểm toán.

- Thông qua Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2021, định hướng hoạt động năm 2022.

- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021, phương hướng năm 2021 của Ban Kiểm soát. Báo cáo soát xét của Ban kiểm soát.

- Thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

- Thông qua tờ trình về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 và kế hoạch tài chính, dự kiến chia cổ tức năm 2022.

- Thông qua tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, Thư ký công ty năm 2022.

- Thông qua tờ trình về việc giao Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng ký với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

- Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông



5. Tài liệu Đại hội:

- Quý Cổ đông vui lòng tải toàn bộ tài liệu Đại hội trên website www.capnuoctrungan.vn, mục tin cổ đông kể từ ngày 29 tháng 03 năm 2022.

- Chương trình Đại hội năm 2022 có nhiều nội dung cần lấy ý kiến cổ đông nên để Đại hội được tiến hành hiệu quả, tiết kiệm thời gian của Quý cổ đông, kính đề nghị quý Cổ đông xem và nghiên cứu kỹ tài liệu đại hội. Chủ tọa đoàn sẽ chỉ trả lời các góp ý trực tiếp của Cổ đông tại Đại hội hoặc bằng văn bản.

6. Đăng ký tham dự Đại hội:

- Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đúng quy định, quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội trước **16 giờ 00 ngày 22 tháng 4 năm 2022** về:

Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – TAWACO

Địa chỉ: Số 5, đường số 9, Phường 9, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0919068879

Lưu ý: Thực hiện quy định UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phòng và chống dịch Covid-19, Quý cổ đông có thể cân nhắc việc ủy quyền cho cổ đông khác đại diện cho mình tham dự Đại hội. Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông vui lòng khử khuẩn trước khi vào phòng họp, đeo khẩu trang trong suốt quá trình tham dự đại hội. Trường hợp có vấn đề về sức khỏe như sốt, ho... sẽ không được tham dự.

Quý cổ đông có mặt đúng giờ, mang theo thư mời (đã ký xác nhận tham dự), CMND/hộ chiếu (bản chính). Trường hợp được ủy quyền, người đại diện tham dự vui lòng mang theo Giấy ủy quyền (bản chính), thư mời họp của người ủy quyền (đã ký xác nhận tham dự), CMND hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính) khi đến tham dự đại hội.

Thông báo này thay cho Thư mời trong trường hợp quý Cổ đông có quyền dự họp nhưng chưa nhận được thư mời do Công ty gửi trực tiếp đến quý Cổ đông.

Rất mong Quý Cổ đông đến dự đầy đủ và đúng giờ.

Trân trọng !


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

VÕ THỊ HỒNG HÀ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Địa chỉ: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp | Văn phòng: Số 5, đường số 9, phường 9, quận Gò Vấp

Tổng đài Chăm sóc khách hàng: **1900 1836** | Email: tawaco@capnuoctrungan.com.vn



DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Ngày 26/04/2022

1. Chương trình Đại hội
2. Báo cáo kết quả thăm tra tư cách cổ đông
3. Thông qua danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu
4. Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội
5. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2021 và định hướng công tác SXKD năm 2022.
6. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty và kế hoạch tài chính năm 2022.
7. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021, định hướng công tác năm 2022 của Hội đồng quản trị.
8. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021, phương hướng năm 2022 của Ban Kiểm soát.
9. Thông qua Tờ trình về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 và thông qua kế hoạch tài chính, chia cổ tức năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.
10. Thông qua tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, Thư ký công ty năm 2022.
11. Thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 trình Đại hội cổ đông
12. Thông qua tờ trình về việc giao Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
13. Đại hội thảo luận và đóng góp ý kiến.
14. Đại hội biểu quyết thông qua các tờ trình, các báo cáo do Chủ tọa đoàn trình bày.
15. Phát biểu của Đại biểu khách mời tham dự Đại hội.
16. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
17. Tuyên bố bế mạc Đại hội.

Ngày 26/04/2022

Mục	Thời gian	Nội dung	Người phụ trách
Khai mạc và đón khách	8g00-8g30	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: <ul style="list-style-type: none"> • Chào mừng quý cổ đông tham dự họp và biểu quyết để xác nhận tham dự ĐH. • Chiếu phim tư liệu. • Kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại Hội 	Ban kiểm tra tư cách cổ đông và tổ giúp việc.
	8g30-8g45	Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. • Tuyên bố lý do. • Giới thiệu Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu và Thư ký đoàn. • Thông qua chương trình Đại hội. • Thông qua Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội. 	MC
Nội dung	8g45-9g15	Trình bày các báo cáo: <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2021 và định hướng công tác SXKD năm 2022. • Báo cáo tài chính năm 2021 tóm tắt (đã kiểm toán) • Báo cáo hoạt động năm 2021, định hướng công tác năm 2022 của Hội đồng quản trị. • Báo cáo hoạt động năm 2021, phương hướng năm 2022 của Ban Kiểm soát. 	Giám đốc Giám đốc Chủ tịch HĐQT Trưởng BKS
	9g15-9g45	Các tờ trình Đại hội <ul style="list-style-type: none"> • Tờ trình về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 và thông qua kế hoạch tài chính, chia cổ tức năm 2022. • Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, Thư ký công ty năm 2022. 	Chủ tọa đoàn



		<ul style="list-style-type: none"> • Tờ trình về việc giao Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. • Tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 	Trưởng BKS
	9g45-10g30	<ul style="list-style-type: none"> • Đại hội thảo luận và đóng góp ý kiến • Đại hội biểu quyết thông qua các tờ trình, các báo cáo do Chủ tọa đoàn trình bày. • Phát biểu của Đại biểu khách mời tham dự Đại hội. 	Chủ tọa đoàn
Nghỉ giải lao	10g30-11g	<ul style="list-style-type: none"> • Nghỉ giải lao. • Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu 	Ban kiểm phiếu
Bế mạc Đại hội	11g-11g30	<ul style="list-style-type: none"> • Công bố kết quả kiểm phiếu. • Thông qua Biên bản Đại hội. • Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. • Biểu quyết thông qua biên bản và nghị quyết Đại hội. • Tuyên bố bế mạc 	Ban kiểm phiếu Chủ tọa đoàn



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN**

Đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lập ngày 24 tháng 03 năm 2022 được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được quyền tham gia phát biểu ý kiến, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đoàn điều khiển. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.
4. Khi tiến hành đăng ký tham dự đại hội, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số tham dự, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

4.1 Thẻ biểu quyết: (màu vàng)

- Đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Biên bản, Nghị quyết Đại hội và một số vấn đề phát sinh ngay tại Đại hội.
- Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến.

4.2. Phiếu biểu quyết: (màu trắng)

- Cổ đông biểu quyết bằng phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo (X hoặc ✓) vào ô Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Phiếu biểu quyết.



Trong trường hợp có nhiều hơn một phương án của cùng một nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua, cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu chéo (X hoặc ✓) vào ô Đồng ý Phương án mà mình lựa chọn hoặc Không có ý kiến.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác... khi không được Chủ tọa yêu cầu; Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của Cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.
 - Trong một Phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.
 - Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại Phiếu biểu quyết cũ.
 - Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó đồng ý đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.
 - Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.
5. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.
 6. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
 7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Đối với các quyết định liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc

các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

8. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.
9. Thê lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 65% tổng số thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Thê lệ này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

[Handwritten signature]

VÕ THỊ HỒNG HÀ



Số: 129/BC-TA-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG NĂM 2021 VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA ĐƠN VỊ:

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm của lãnh đạo Tổng Công ty, sự hỗ trợ từ các Phòng Ban và các đơn vị thuộc Tổng Công ty;
- Tập thể CB-CNV Công ty luôn thể hiện cao tinh thần quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất-kinh doanh như: đọc số đồng hồ nước, giám sát thi công, theo dõi mạng lưới cấp nước, chăm sóc khách hàng... đã mang lại hiệu quả và tăng năng suất lao động;
- Cơ chế khoán lương cho các công việc nghiệp vụ: đọc số, thu tiền nước, thay đồng hồ đã kích lệ tinh thần và gia tăng năng suất lao động;
- Nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ chính quyền địa phương.

2. Khó khăn:

- Sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu tiền nước do Tổng Công ty giao kế hoạch năm 2021 khá cao. Tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn ra giữa năm 2021 phức tạp, thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng giãn cách xã hội gần 04 tháng (*riêng Quận Gò Vấp và phường Thạnh Lộc Quận 12 giãn cách theo chỉ thị 16 từ cuối tháng 05/2021*) nên ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động kinh doanh của công ty, có vài chỉ tiêu kinh doanh không đạt kế hoạch năm 2021.
- Tình trạng mất đồng hồ nước có gắn hộp bảo vệ lắp đặt bên ngoài bất động sản xảy ra thường xuyên và gia tăng nhiều, gây tăng tỷ lệ thất thoát nước;
- Khu vực tiếp nhận mạng lưới cấp nước do Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn bàn giao có tỷ lệ thất thoát nước cao, do: đường ống không theo quy chuẩn, công tác duy tu bảo dưỡng trước đây không thực hiện, đồng hồ nước chưa được thay định kỳ.;
- Là địa bàn có tốc độ đô thị hóa nhanh dẫn đến mạng lưới cấp nước luôn bị ảnh hưởng, các đơn vị thi công nâng cấp, mở rộng đường, thi công lắp đặt cống thoát

nước, cấp điện, điện thoại... tác động gây hư hại đến hệ thống cấp nước làm tăng tỷ lệ thất thoát nước;

– Chất lượng nước thường xuyên có màu và cặn làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ tại khu vực Huyện Hóc Môn, một phần Quận 12 và một phần Quận Gò Vấp;

– Mặc dù, Công ty đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp, cách thức vận động khách hàng sử dụng nước, tuy nhiên số lượng khách hàng sử dụng nước sạch tại mức sản lượng 0 - 4 m³ có xu hướng tăng so năm 2020, do:

+ Ảnh hưởng bởi thời gian giãn cách xã hội vì dịch bệnh covid-19 các hộ kinh doanh, đơn vị doanh nghiệp sản xuất ngưng hoạt động, và sau thời gian giãn cách người dân nhập cư quay về quê,

+ Từ 31/5/2021 bắt đầu giãn cách xã hội địa bàn quận Gò Vấp và phường Thạnh Lộc Quận 12 nên công tác đọc số không thể thực hiện đến từng đồng hồ nước, một số khách hàng báo chỉ số nước, số còn lại tạm tính tiêu thụ. Sau 01/10/2021 hết giãn cách xã hội, công tác đọc số đọc đúng và tính toán lại nên giữ chỉ số do trước đó tạm tính trung bình nhưng khách hàng không sử dụng hoặc sử dụng ít hơn số lượng đã tạm tính.

+ Trong điều kiện kinh tế trong dịch và sau dịch khó khăn, một số khách hàng sử dụng nước từ giếng khoan gia đình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)	
					=3/2	=3/1
		1	2	3	4	5
1	Nước tiêu thụ	68.698.551 m ³	73.000.000 m ³	72.146.719 m³	98,8	105
2	Doanh thu tiền nước (thu hộ TCty)	607,467 tỷ đồng	683,993 tỷ đồng	655,169 tỷ đồng	95,8	107,9
	Thực thu 12 kỳ hóa đơn	600,818 tỷ đồng		642,932 tỷ đồng		107
	Các chỉ tiêu khác về doanh thu:					
	- Tỷ lệ thực thu đạt	98,91%	99%	98,13%	99,1	99,2
	- Giá bán bình quân	8.851 đồng	9.370 đồng/m ³	9.121 đồng/m³ (*)	97,3 (*)	103,1
3	Gắn mới đồng hồ nước	6.363 cái	7.500 cái	4.963 cái	66	78
4	Thay đồng hồ nước	34.876 cái	77.688 cái	77.696 cái	100	222,8
	Trong đó:					
	+ ĐHN cỡ nhỏ	34.850 cái	77.681 cái	77.683 cái	100	222,9
	+ ĐHN cỡ lớn	26 cái	7 cái	13 cái	185,7	50

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)	
					=3/2	=3/1
		1	2	3	4	5
5	Đầu tư xây dựng phát triển MLCN (thực hiện hợp đồng PMC với Tcty): - Khối lượng - Giá trị khối lượng - Giá trị giải ngân	9.671 m 26,124 tỷ đồng 2,26 tỷ đồng	37.696 m 54,730 tỷ đồng 35,747 tỷ đồng	38.962 m 57,362 tỷ đồng 35,867 tỷ đồng	103,4 104,8 100,3	402,9 219,6 1.587
6	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	100 %	100 %	100%	100	100
7	Tỷ lệ nước không doanh thu	18,05%	17,50 %	17,48 %	Thấp hơn 0,02%	Thấp hơn 0,57%

Ghi chú:

(*) Giá bán bình quân năm 2021 (tính theo chuẩn thu sau xử lý) là 9.121 đồng/m³ được tính trên doanh thu tiền nước sau khi Tổng công ty thực hiện giảm 10% giá nước cho khách hàng do dịch bệnh covid-19 vào các tháng: 9, 10, 11/2021. Giá bán bình quân chưa giảm trừ giảm giá do dịch bệnh covid-19 là 9.370 đồng/m³ (đạt kế hoạch năm 2021).

- Doanh thu tiền nước (thu hộ Tổng Công ty) thực hiện năm 2021 là doanh thu sau xử lý chưa bao gồm:

1. Doanh thu thu tồn năm 2019: 230 triệu đồng
2. Doanh thu thu tồn năm 2020: 4,676 tỷ đồng
3. Tiền truy thu nước gian lận năm 2021: 1,615 tỷ đồng
4. Tổng số tiền nước cộng thêm (Tổng công ty chia sẻ khó khăn với công ty Trung An do dịch bệnh Covid-19, là số chênh lệch doanh thu tiền nước đơn vị thu được từ chuẩn thu sau xử lý trước và sau chương trình miễn giảm 10% nước sinh hoạt) cho đơn vị trong tháng 09, 10 và 11/2021: 15.952.661.277 đồng

III. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021 SO VỚI KẾ HOẠCH:

Ngoài các chỉ tiêu như: sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu tiền nước và gắn mới đồng hồ nước chưa đạt kế hoạch giao do ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh covid-19 thì các chỉ tiêu còn lại và cả chỉ tiêu xây dựng cơ bản đều đạt kế hoạch giao năm 2021.

Các chỉ tiêu đã thực hiện năm 2021 đều vượt cao hơn thực hiện năm 2020 (ngoại trừ chỉ tiêu gắn mới đồng hồ nước thấp hơn năm 2020).

Các chỉ tiêu và nguyên nhân ảnh hưởng không đạt kế hoạch năm 2021 cụ thể như sau:

– **Sản lượng nước tiêu thụ:** ngay từ đầu năm 2021 Tổng Công ty giao kế hoạch khá cao so khả năng thực tế. Bên cạnh đó, do tình hình dịch bệnh phức tạp nên thành phố thực hiện giãn cách xã hội gần 04 tháng là tác nhân gây giảm sản lượng nước tiêu thụ, cụ thể: trong thời gian này hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, nhiều hộ gia đình là người nhập cư đã về quê tránh dịch bệnh nên không sử dụng nước. Ngoài ra, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ cũng giảm sản lượng tiêu thụ khá nhiều do không thể thực hiện phương án 3 tại chỗ;

– **Doanh thu thu hộ tiền nước:** Chỉ tiêu doanh thu tiền nước thu hộ Tổng Công ty đạt 95,8% so với kế hoạch giao năm 2021 do sản lượng nước tiêu thụ giảm dẫn đến doanh thu tiền nước giảm. Tổng công ty đã hỗ trợ công ty Trung An số tiền nước cộng thêm (như đã trình bày ở trên nhằm chia sẻ khó khăn của đơn vị do tình hình dịch Covid-19)

– **Tỷ lệ thực thu tiền nước:** tỷ lệ thực thu tiền nước đã đạt 98,13% mức tỷ lệ này đạt 99,1 % so kế hoạch giao. Đây là sự cố gắng hết sức trong công tác thu tiền nước của người lao động tại công ty đã cố gắng vượt qua hoàn cảnh trở ngại lớn đó là thời gian giãn cách do dịch bệnh khá dài. Bên cạnh đó, cũng không ít người lao động bị nhiễm bệnh và phải nghỉ theo đúng quy định nên ảnh hưởng năng suất lao động của công tác này.

– **Công tác gắn mới đồng hồ nước:** công ty đã gắn được 4.963 cái đạt 66% so kế hoạch giao. Do ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội nên công tác khảo sát – thiết kế gặp nhiều khó khăn; công tác thi công gắn mới đồng hồ nước có lúc gián đoạn gần 03 tháng; lượng hồ sơ yêu cầu gắn của khách hàng cũng giảm, tiến độ cấp phép đào đường do cơ quan địa phương thực hiện chậm hơn thời điểm trước dịch bệnh diễn ra. Mặc dù các dự án phát triển mạng lưới được triển khai thi công nhưng do khu vực phát triển mạng lưới có mật độ dân cư thưa thớt nên khả năng gia tăng khách hàng có nhu cầu gắn mới đồng hồ nước cũng không nhiều.

Bên cạnh đó, với sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành công ty và sự nỗ lực của người lao động nên có những chỉ tiêu đã hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch giao năm 2021, cụ thể như sau:

– **Công tác thay ĐHN định kỳ:** chỉ tiêu thay đồng hồ nước đã hoàn thành vượt kế hoạch giao năm 2021 và vượt hơn gấp đôi so năm 2020, trong đó công ty có trình và được Tổng công ty giao bổ sung kế hoạch thay thêm 10.000 đồng hồ nước.

– **Công tác giảm nước thất thoát thất thu:** tỷ lệ thất thoát nước năm 2021 đạt 17,48%, thấp hơn kế hoạch giao 0,02% và thấp hơn so năm 2020.

– **Công tác đầu tư xây dựng cơ bản (thực hiện hợp đồng PMC với Tổng Công ty):** dù bị ảnh hưởng giãn cách xã hội do dịch bệnh nhưng với sự nhiệt tình và cố gắng đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án nên công ty đã hoàn thành chỉ tiêu phát triển mạng lưới cấp nước so kế hoạch giao và cao hơn nhiều so năm 2020.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. MỤC TIÊU:

- Duy trì tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 100%;

- Bảo đảm chất lượng nước sạch cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Nâng cao mức độ quan tâm, chăm sóc khách hàng là doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất – kinh doanh như: đọc số đồng hồ nước, giám sát thi công, theo dõi mạng lưới cấp nước, chăm sóc khách hàng...
- Hiện đại hóa trang thiết bị, kỹ thuật quản lý mạng lưới đường ống.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:

- Thực hiện công tác phát triển mạng lưới phù hợp tiến độ phát triển dân cư, đô thị tại địa bàn quản lý;
- Thực hiện công tác gắn mới đồng hồ nước theo nhu cầu của khách hàng, thay đồng hồ nước định kỳ theo quy định;
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nước thất thoát thất thu đáp ứng yêu cầu giảm tỷ lệ thất thoát nước, như:
 - Tiếp tục thực hiện công tác thiết lập DMA;
 - Thay ống nhánh cũ mục theo kết quả dò tìm bể ngầm, xi bể nổi. Nâng ĐHN do bị âm sâu, khuất lấp. Thực hiện công tác cải tạo ống mục;
- Thiết kế và thi công các hầm xả nước nhằm đảm bảo ổn định chất lượng nước;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng và ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ quản lý;
- Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra định mức, giá biểu, áp giá đúng đối tượng và kịp thời nhằm tăng giá bán bình quân.
- Xây dựng kế hoạch phối hợp với các địa phương trong việc vận động khách hàng sử dụng nước, giảm hóa đơn từ 0-4m³.
- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao năng suất lao động và cải thiện thu nhập cho CBCNV...

III. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022

Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đã ban hành Quyết định số 128/QĐ-TCT-KHĐT ngày 28/01/2022 kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2022, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH DOANH		
1	Nước tiêu thụ	75.700.000 m³	
2	Doanh thu tiền nước (thu hộ Tổng công ty)	752,152 tỷ đồng	Giá bán bình quân là: 9.936 đồng/m ³

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
3	Gắn mới đồng hồ nước	4.000 cái	
4	Thay định kỳ ĐHN, <i>Trong đó:</i>	80.796 cái	
	<i>Thay ĐHN cỡ nhỏ</i>	80.787 cái	
	<i>Thay ĐHN cỡ lớn (≥ 40 ly)</i>	09 cái	Bao gồm: 40 mm: 06 cái 50 mm: 02 cái 100 mm: 01 cái
5	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	100 %	
6	Tỷ lệ thất thoát nước	17%	
C	CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XDCB (thực hiện hợp đồng PMC với Tcty)		
	Công tác phát triển mạng lưới cấp nước, giảm nước thất thoát thất thu, thay ống mới, di dời hệ thống cấp nước, sửa chữa ống mục: - Khối lượng - Giá trị KL - Giá trị giải ngân	10.210 m 22,010 tỷ đồng 47,491 tỷ đồng	

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao chất lượng công tác quản lý của công ty

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và ban hành các: quy chế, quy trình, chính sách, hệ thống kiểm soát của công ty.
- Ngoài việc lập kế hoạch hàng năm cần lập kế hoạch hoạt động 3 hoặc 5 năm tiếp theo.

2. Nâng cao hiệu quả các nguồn lực

2.1 Yếu tố Con người:

- Tiến hành lượng hóa các công việc của khối lao động gián tiếp, tiến đến khoán chỉ tiêu, khoán lương cho các bộ phận/phòng ban.
- Đào tạo và đào tạo lại lực lượng nhân viên quản lý, kỹ thuật cập nhật các kỹ thuật, công nghệ mới liên quan đến ngành nước.
- Tổ chức các khóa học kỹ năng giao tiếp khách hàng cho các nhân viên đọc số, thu tiền, kiểm tra nhằm góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

2.2 Yếu tố Tài chính:

- Tiếp tục thực hiện ký kết hợp đồng thu hộ tiền nước với các đơn vị thu hộ.
- Đẩy nhanh công tác quyết toán: gắn mới đồng hồ nước, thay đồng hồ nước, giảm thất thoát nước.

2.3 Kỹ thuật - Công nghệ:

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp phần cứng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, phần mềm các chương trình: Quản lý giám sát thi công bằng điện thoại di động, hình chụp vị trí thi công có tọa độ GPS; hoàn chỉnh hệ thống phần mềm sử dụng liên thông các công tác của các phòng ban trong công ty; hoàn chỉnh hệ thống đọc số - thu tiền bằng điện thoại di động; cập nhật đầy đủ các công trình cấp nước, đồng hồ nước, đường ống v.v...trên hệ thống tọa độ GIS.
- Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật mới vào yêu cầu vật tư, nhằm tăng cường chất lượng vật tư thi công.

3. Hoạt động kinh doanh

- Chủ động tìm kiếm và vận động các khách hàng tiềm năng sử dụng nước nhiều và có giá bán bình quân cao, như: các cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp, cơ quan, xí nghiệp, khu công nghiệp....
- Xây dựng kế hoạch để phối hợp với chính quyền địa phương trong việc vận động người dân sử dụng nước, giảm hóa đơn từ 0-4m³.
- Luôn giữ mức độ quan tâm và chăm sóc các khách hàng có nhu cầu sử dụng nước cao (các công ty sản xuất trên địa bàn: Heneiken, Pepsico, các chung cư ...).
- Tiếp tục phối hợp với Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch thường xuyên súc xả trên mạng cấp 1, 2 và 3 nhằm đảm bảo chất lượng nước.
- Xây dựng hình ảnh và thương hiệu công ty thông qua việc luôn quan tâm, cải thiện chất lượng phục vụ khách hàng.
- Vận động và hướng dẫn khách hàng cài đặt ứng dụng My Tawaco (iOS và Android) để cập nhật thông tin dịch vụ cấp nước.
- Thiết lập chương trình hoặc phát động các phong trào thi đua để khuyến khích CBCNV nâng cao năng suất làm việc và hoàn thành công việc được giao. Thiết lập thi đua theo hình thức nêu “Gương điển hình hàng tháng hoặc năm” nhằm khích lệ tinh thần làm việc của nhân viên.

V. KIẾN NGHỊ

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An kính đề nghị Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn những kiến nghị như sau:

- Sớm triển khai thi công lắp đặt tuyến ống cấp 2 nhằm tăng áp cho khu vực và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân tại:
 - + Đường Tô Ngọc Vân (từ QL 1A đến Hà Huy Giáp Quận 12).
 - + Đường Bùi Công Trừng (từ Đặng Thúc Vịnh đến Hà Huy Giáp)

– Sớm ký hợp đồng thực hiện giảm nước thất thoát thất thu năm 2022 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm.

– Xem xét định hướng về đơn giá hợp đồng dịch vụ trong thời gian 3-5 năm để Công ty có nguồn thu ổn định, có chi phí để tái đầu tư phát triển và tích lũy để xây dựng trụ sở Công ty cho CB CNV làm việc lâu dài.

Trân trọng kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Lưu.



GIÁM ĐỐC

HUỲNH HẢO TÀI



Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An, theo Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 26 tháng 08 năm 2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350082 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 06 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Bà Võ Thị Hồng Hà	Chủ tịch	
Bà Trầm Thị Cẩm Vân	Thành viên	
Ông Huỳnh Hào Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/06/2021
Bà Vũ Phương Thảo	Thành viên	
Ông Lê Thanh Sử	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/06/2021
Ông Võ Nhật Trân	Thành viên	
Ông Hồ Lê Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Ông Huỳnh Hào Tài	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/06/2021
Bà Trầm Thị Cẩm Vân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/06/2021
Ông Phạm Long Châu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/01/2022
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/01/2022
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Giám đốc	

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Bà Phan Kim Phượng	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Huỳnh Hào Tài
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An ("Công ty"), được trình bày từ trang 06 đến 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các Thuyết minh sau:

- Thuyết minh 15 (*) trong đó mô tả Công ty đã ghi nhận bổ sung "Vốn góp của chủ sở hữu" từ "Quỹ đầu tư phát triển", "Chênh lệch đánh giá lại tài sản", và nguồn thu từ cổ phần hóa theo phương án cổ phần hóa đã được duyệt tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần, cũng như kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV trong năm 2020. Tuy nhiên, tới thời điểm lập báo cáo tài chính, vẫn chưa có kết quả phê duyệt, quyết toán chính thức từ UBND thành phố Hồ Chí Minh.

- Thuyết minh 16 trong đó mô tả diện tích đất Công ty đang sử dụng tại số 5, đường 9, phường 9, quận Gò Vấp làm văn phòng hoạt động của Công ty là diện tích đất do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”) quản lý. Hiện tại, Tổng Công ty và Công ty chưa thống nhất phương án cho thuê lại diện tích đất này và cơ sở hạ tầng trên đất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Đỗ Thị Hồng Thủy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2907-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		123.084.554.632	132.988.519.152
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	49.478.437.201	51.959.079.639
111	1. Tiền		22.478.437.201	14.959.079.639
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.000.000.000	37.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.115.498.723	68.933.076.767
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	60.545.348.985	68.406.804.449
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		80.481.500	41.250.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	489.668.238	485.022.318
140	IV. Hàng tồn kho	6	9.986.790.276	11.715.027.760
141	1. Hàng tồn kho		10.697.980.720	12.941.085.843
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(711.190.444)	(1.226.058.083)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.503.828.432	381.334.986
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	1.800.494.936	110.700.000
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	703.333.496	270.634.986
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.116.894.126	11.765.191.865
220	II. Tài sản cố định		11.089.566.282	8.331.635.178
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	7.640.525.786	6.672.389.514
222	- Nguyên giá		29.216.579.208	25.035.369.899
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.576.053.422)	(18.362.980.385)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	3.449.040.496	1.659.245.664
228	- Nguyên giá		7.760.341.818	4.749.541.818
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.311.301.322)	(3.090.296.154)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.027.327.844	3.433.556.687
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	8.027.327.844	3.433.556.687
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		142.201.448.758	144.753.711.017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		80.407.412.430	80.277.953.608
310	I. Nợ ngắn hạn		80.407.412.430	80.277.953.608
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	47.773.771.815	51.695.851.411
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.421.446.197	201.112.300
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	4.874.535.253	3.581.054.022
314	4. Phải trả người lao động	12	21.661.913.746	21.011.178.004
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		75.000.000	107.152.700
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.486.217.850	1.553.053.305
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	3.114.527.569	2.128.551.866
400	D. NGUỒN VỐN		61.794.036.328	64.475.757.409
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	61.794.036.328	64.475.757.409
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.896.784.416	5.896.784.416
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		570.615.390	570.615.390
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.326.636.522	8.008.357.603
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.326.636.522	8.008.357.603
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		142.201.448.758	144.753.711.017



Huỳnh Hào Tài
Giám đốc


Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Tường
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	261.572.322.781	210.140.302.613
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	247.326.929	2.246.819.419
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	261.324.995.852	207.893.483.194
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	18	241.458.647.437	184.228.422.835
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.866.348.415	23.665.060.359
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		956.172.268	473.435.616
22	7. Chi phí tài chính		36.896.034	32.651.522
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	19	2.248.535.000	1.623.292.501
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	11.960.382.188	12.492.864.105
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.576.707.461	9.989.687.847
31	11. Thu nhập khác	21	354.331.071	385.147.788
32	12. Chi phí khác	22	25.536.891	82.161.332
40	13. Lợi nhuận khác		328.794.180	302.986.456
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.905.501.641	10.292.674.303
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	1.578.865.119	2.284.316.700
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.326.636.522	8.008.357.603
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.065	1.602



Huỳnh Hảo Tài
Giám đốc

Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tường
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.905.501.641	10.292.674.303
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		4.434.078.205	2.747.247.670
03	Các khoản dự phòng		(514.867.639)	717.717.772
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(956.172.268)	(521.662.888)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.868.539.939	13.235.976.857
09	Giảm các khoản phải thu		7.625.946.932	21.023.640.907
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		2.243.105.123	(4.127.569.040)
11	(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(1.124.121.881)	(3.899.150.882)
12	(Tăng) chi phí trả trước		(6.283.566.093)	(3.511.956.687)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.861.699.619)	(2.218.249.135)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.022.381.900)	(1.281.520.251)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.445.822.501	19.221.171.769
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.925.449.309)	(4.390.974.381)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	48.227.272
27	3. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		997.939.370	388.449.315
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.927.509.939)	(3.954.297.794)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(261.091.481)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.998.955.000)	(5.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.998.955.000)	(5.261.091.481)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.480.642.438)	10.005.782.494
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	51.959.079.639	41.953.297.145
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	49.478.437.201	51.959.079.639



Huỳnh Hảo Tài
Giám đốc

Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tường
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2021

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An, theo Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 26 tháng 08 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350082 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 06 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại 873A Quang Trung, P. 12, Q. Gò Vấp, Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND, tương đương 5.000.000 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 440 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 430 người).

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp các dịch vụ liên quan tới ngành nước. Hoạt động kinh doanh chính trong năm là cung cấp các dịch vụ sau cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, gồm:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
- Thi công xây dựng công trình cấp nước; và
- Tái lập mặt bằng đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, dịch bệnh covid-19 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của công ty: trong các tháng thực hiện giãn cách xã hội, Công ty không thực hiện được dịch vụ gắn mới và thay định kỳ đồng hồ nước.... Để đảm bảo đạt kế hoạch doanh thu và giảm thất thoát nước, các tháng cuối năm Công ty đã sử dụng dịch vụ thuê bên ngoài với chi phí cao hơn để thực hiện các dịch vụ này. Những nguyên nhân trên đã dẫn đến việc dù doanh thu năm 2021 tăng 24,5% so với năm 2020 nhưng lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay vẫn giảm 16% so với năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND) và Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi theo đánh giá của Ban Giám đốc cuối năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

> Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
> Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
> Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
> Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
> TSCĐ hữu hình khác	03 - 10 năm
> Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

2.8 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- > Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 02 năm.
- > Chi phí bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá trị bảo hiểm của Hợp đồng và thời hạn bảo hiểm theo như quy định trong Hợp đồng, phân bổ theo phương pháp đường thẳng.
- > Chi phí thi công nâng đồng hồ nước âm sâu khuất lắp nằm trong bất động sản và Chi phí sửa chữa hoàn thiện mạng lưới cấp nước được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 03 năm.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như: phí kiểm toán, chi phí thay gắn đồng hồ nước phải trả nhà thầu... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là khoản điều chỉnh giảm khối lượng quyết toán dịch vụ thay gắn đồng hồ nước và giảm thất thoát nước.

Giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm dịch vụ cung cấp được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp dịch vụ đã phát sinh các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản phí chuyển tiền.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- > Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- > Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- > Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó

2.20 Thông tin bộ phận

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ liên quan đến ngành nước cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	21.991.149	870.419
Tiền gửi ngân hàng	22.456.446.052	14.958.209.220
Các khoản tương đương tiền (*)	27.000.000.000	37.000.000.000
	49.478.437.201	51.959.079.639

(*) Khoản tương đương tiền tại 31/12/2021 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại các ngân hàng (Agribank và Vietinbank) với lãi suất từ 3,0 đến 3,5%/năm.

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	60.197.307.485	67.295.298.449
Khác	348.041.500	1.111.506.000
	60.545.348.985	68.406.804.449
Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 28)	60.197.307.485	67.295.298.449

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	100.479.473	142.246.575
Phải thu cơ quan bảo hiểm	2.958.074	1.132.874
Tạm ứng	20.000.000	9.000.000
Phải thu khác	366.230.691	332.642.869
	489.668.238	485.022.318
Trong đó, phải thu bên liên quan (Thuyết minh 28)	338.744.669	289.699.956

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	10.697.980.720	(711.190.444)	12.936.625.843	(1.226.058.083)
- Đồng hồ nước	4.648.756.362	-	7.665.610.702	-
- Hộp bảo vệ	513.246.670	-	704.215.820	-
- Các loại van, đai	2.625.778.877	(694.715.870)	2.293.585.622	(883.792.268)
- Ống nhựa PVC	427.157.078	-	251.517.524	(565.400)
- Khác	2.483.041.733	(16.474.574)	2.021.696.175	(341.700.415)
Công cụ dụng cụ	-	-	4.460.000	-
	10.697.980.720	(711.190.444)	12.941.085.843	(1.226.058.083)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe	1.796.994.936	107.200.000
Khác	3.500.000	3.500.000
	1.800.494.936	110.700.000
Dài hạn		
Thuê server vận hành	26.700.000	133.500.000
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	1.094.870.999
Công cụ dụng cụ	3.001.135.336	2.205.185.688
Chi phí sửa chữa lớn (*)	4.999.492.508	-
	8.027.327.844	3.433.556.687

(*) Trong năm 2021, Công ty thực hiện hoàn thành việc thi công nâng đồng hồ nước âm sâu, khuất lấp nằm trong bất động sản và sửa chữa hoàn thiện mạng lưới cấp nước trên địa bàn được Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV giao cho quản lý. Chi phí sửa chữa lớn này đang được Công ty ghi nhận và phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong vòng 3 năm (từ 2021 đến 2023).

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	4.749.541.818	4.749.541.818
Mua trong năm (*)	3.010.800.000	3.010.800.000
Tại ngày 31/12/2021	7.760.341.818	7.760.341.818
Hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2021	3.090.296.154	3.090.296.154
Khấu hao trong năm	1.221.005.168	1.221.005.168
Tại ngày 31/12/2021	4.311.301.322	4.311.301.322
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	1.659.245.664	1.659.245.664
Tại ngày 31/12/2021	3.449.040.496	3.449.040.496

(*) Tài sản cố định vô hình mua trong năm là các phần mềm văn phòng điện tử phục vụ quản lý và phần mềm hệ thống phục vụ công tác sửa bể.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.764.369.818 VND;

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	1.560.216.775	2.129.628.615	8.946.317.597	12.047.773.673	351.433.239	25.035.369.899
Mua mới	-	152.438.000	265.586.909	3.490.184.400	273.000.000	4.181.209.309
Tại ngày 31/12/2021	1.560.216.775	2.282.066.615	9.211.904.506	15.537.958.073	624.433.239	29.216.579.208
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	1.475.398.405	1.865.668.398	7.520.816.702	7.184.782.941	316.313.939	18.362.980.385
Khấu hao	29.827.800	172.831.756	495.777.348	2.427.506.928	87.129.205	3.213.073.037
Tại ngày 31/12/2021	1.505.226.205	2.038.500.154	8.016.594.050	9.612.289.869	403.443.144	21.576.053.422
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	84.818.370	263.960.217	1.425.500.895	4.862.990.732	35.119.300	6.672.389.514
Tại ngày 31/12/2021	54.990.570	243.566.461	1.195.310.456	5.925.668.204	220.990.095	7.640.525.786

➤ Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.112.808.892 VND.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	34.083.563.813	34.083.563.813	29.906.623.808	29.906.623.808
Công ty TNHH Đan Vĩ	927.391.438	927.391.438	4.854.298.886	4.854.298.886
Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhân Việt	2.076.453.372	2.076.453.372	3.451.182.368	3.451.182.368
Công ty TNHH Thiết Kế XD&TV Nhật Minh N.M	1.986.250.188	1.986.250.188	1.454.600.682	1.454.600.682
Công Ty TNHH Phạm Lâm	1.217.348.000	1.217.348.000	350.385.200	350.385.200
Công ty CP XD Hạ Tầng D.N.A	1.003.977.493	1.003.977.493	2.248.500.258	2.248.500.258
Khác	6.478.787.511	6.478.787.511	9.430.260.209	9.430.260.209
	47.773.771.815	47.773.771.815	51.695.851.411	51.695.851.411
Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 28)	34.083.563.813	34.083.563.813	29.906.623.808	29.906.623.808

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Năm 2021		31/12/2021	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.428.415.990	13.042.465.645	11.596.346.382	-	4.874.535.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.634.986	-	1.578.865.119	1.861.699.619	553.469.486	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	152.638.032	954.561.960	1.257.064.002	149.864.010	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	190.077.014	190.077.014	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	270.634.986	3.581.054.022	15.768.969.738	14.908.187.017	703.333.496	4.874.535.253

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Phải trả người lao động

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả người lao động	21.464.540.778	20.627.494.764
Phải trả cán bộ quản lý	197.372.968	383.683.240
	21.661.913.746	21.011.178.004

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Thù lao cho cán bộ không chuyên trách	19.000.000	46.000.000
Kinh phí công đoàn	173.198.400	161.163.600
Tiền bảo hành công trình	195.340.345	73.818.098
Bảo lãnh thực hiện công trình	27.108.000	7.550.000
Thu hộ bên liên quan tiền nước	637.265.683	613.209.769
Khác	434.305.422	651.311.838
	1.486.217.850	1.553.053.305
Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 28)	637.265.683	613.209.769

14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng công nhân viên VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban điều hành VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2020	-	576.020.878	414.389.343	990.410.221
Trích lập quỹ	1.541.240.000	619.661.896	300.000.000	2.460.901.896
Sử dụng quỹ	(936.229.951)	(86.530.300)	(300.000.000)	(1.322.760.251)
Số dư tại 31/12/2020	605.010.049	1.109.152.474	414.389.343	2.128.551.866
Trích lập quỹ (Thuyết minh 15i)	2.008.357.603	700.000.000	300.000.000	3.008.357.603
Sử dụng quỹ	(1.005.830.000)	(716.551.900)	(300.000.000)	(2.022.381.900)
Số dư tại 31/12/2021	1.607.537.652	1.092.600.574	414.389.343	3.114.527.569

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	261.091.481	5.896.784.416	570.615.390	7.419.661.896	64.148.153.183
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	8.008.357.603	8.008.357.603
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(7.419.661.896)	(7.419.661.896)
Giảm khác	-	(261.091.481)	-	-	-	(261.091.481)
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000.000	-	5.896.784.416	570.615.390	8.008.357.603	64.475.757.409
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	5.326.636.522	5.326.636.522
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	(8.008.357.603)	(8.008.357.603)
Tại ngày 31/12/2021	50.000.000.000	-	5.896.784.416	570.615.390	5.326.636.522	61.794.036.328

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 – đã được công bố thông tin trên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – như sau:

	Tỷ lệ	VND
Lợi nhuận phân phối	100%	8.008.357.603
Trích Quỹ khen thưởng	25,10%	2.008.357.603
Trích Quỹ phúc lợi	8,75%	700.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	3,75%	300.000.000
Chi trả cổ tức (mỗi cổ phần nhận 1000 VND)	62,40%	5.000.000.000
		8.008.357.603

(*) Tại ngày 01/02/2015, Công ty đã kết chuyển, ghi tăng Vốn góp của chủ sở hữu và Thặng dư vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển, Chênh lệch đánh giá lại tài sản và Tiền thu để lại từ cổ phần hóa theo phương án Cổ phần hóa ("CPH").

Ngày 27/12/2016, Ban chỉ đạo CPH Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An đã có biên bản làm việc về xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An tại thời điểm cổ phần hóa, và Nghị quyết 01 ngày 17/1/2017 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV ("Tổng Công ty") cũng ra quyết định về việc phân phối lợi nhuận trong giai đoạn năm 2013 đến tháng 1/2015.

Ngày 23/04/2020, Kiểm toán Nhà nước khu vực IV đã phát hành báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty. Mặc dù vậy, Công ty vẫn đang chờ kết quả phê duyệt, quyết toán chính thức từ Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Số liệu các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Công ty sẽ thay đổi như sau nếu điều chỉnh theo biên bản làm việc của Ban chỉ đạo CPH Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An và kết quả kiểm toán của KTNV:

Mã số	Tài sản	Số tiền VND	Mã số	Nợ phải trả	Số tiền VND
131	Phải thu ngắn hạn khác	93.055.656	313	Thuế và các khoản phải nộp	889.914.360
			322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.397.416.527
			319	Phải trả ngắn hạn khác	29.941.347
			411	Vốn góp của Chủ sở hữu (**)	(4.293.877.945)
			418	Quỹ đầu tư phát triển	(2.359.723.243)
			420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(570.615.390)
		93.055.656			93.055.656

(**) Sau điều chỉnh, phần vốn đầu tư của chủ sở hữu thiếu sẽ được Tổng Công ty bù đắp từ số tiền thu từ bán cổ phần.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	32.500.000.000	65,00%	32.500.000.000	65,00%
Ông Nguyễn Thanh Phong	7.925.000.000	15,85%	7.925.000.000	15,85%
Ông Hồ Lê Minh	7.267.100.000	14,53%	7.267.100.000	14,53%
Các cổ đông khác	2.307.900.000	4,62%	2.307.900.000	4,62%
	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	4.998.955.000	5.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.998.955.000	5.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	1.045.000	-

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

Tài sản thuê ngoài

Công ty đang sử dụng diện tích đất tại số 5, đường 9, phường 9, quận Gò Vấp làm văn phòng hoạt động. Đây là diện tích đất do UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV ("Tổng Công ty") quản lý. Hiện tại, Tổng Công ty và Công ty chưa có văn bản thống nhất về việc cho phép Công ty sử dụng diện tích đất này.

Công ty cũng đang sử dụng một số diện tích đất là các giếng nước và nhà kho (Giếng nước số 1 tại số 277 đường Phan Huy Ích, Phường 14, quận Gò Vấp, Giếng nước số 2 tại số 873A Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp và Giếng nước số 3 tại đường Đỗ Thúc Tịnh, Phường 12, quận Gò Vấp). Công ty đang chuẩn bị các thủ tục để ký hợp đồng thuê đất và đã tạm nộp tiền thuê đất đến hết năm 2021 theo Thông báo của Chi cục Thuế quận Gò Vấp đối với các diện tích đất này.

17. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	261.572.322.781	210.140.302.613
Dịch vụ phân phối nước sạch	148.127.687.163	135.671.925.979
Doanh thu thay gắn đồng hồ nước	84.406.804.479	48.369.115.249
Doanh thu giảm thất thoát nước	19.128.607.819	11.918.330.777
Doanh thu tư vấn quản lý dự án (PMC)	453.673.601	-
Khác (ống cái, gắn, nâng dời đồng hồ nước, đóng mở nước...)	9.455.549.719	14.180.930.608
Các khoản giảm trừ doanh thu	(247.326.929)	(2.246.819.419)
Điều chỉnh doanh thu dịch vụ thay gắn đồng hồ nước	(124.125.189)	(2.014.871.857)
Điều chỉnh doanh thu dịch vụ giảm thất thoát nước	(123.201.740)	(231.947.562)
Doanh thu thuần	261.324.995.852	207.893.483.194
Trong đó, doanh thu thuần từ bên liên quan (Thuyết minh 28)	251.869.446.133	193.712.552.586

18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Dịch vụ phân phối nước sạch	130.742.824.143	118.092.866.813
Giá vốn thay gắn đồng hồ nước	81.657.260.111	40.236.012.021
Giá vốn giảm thất thoát nước	19.128.607.819	11.918.330.777
Giá vốn khác (PMC, di dời công trình, thay ống cái, đóng mở nước...)	9.929.955.364	13.981.213.224
	241.458.647.437	184.228.422.835
Trong đó, mua vật tư và dịch vụ từ bên liên quan (Thuyết minh 28)	30.985.058.012	15.969.796.279

19. Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí quà tặng (lịch, sổ tay, ấn phẩm,...)	2.248.535.000	1.623.292.501
	2.248.535.000	1.623.292.501

Chi phí bán hàng trong năm là chi phí quà tặng (lịch, sổ tay, ấn phẩm,...) cho khách hàng có sản lượng tiêu thụ lớn và đối tác chia sẻ kinh nghiệm học tập.

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.049.112.400	8.840.169.410
Chi phí dụng cụ quản lý	459.691.655	410.283.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	423.213.290	880.520.786
Thuế phí và lệ phí	193.077.014	3.000.000
Chi phí bảo hiểm	554.441.732	442.789.000
Chi phí tiếp khách	591.256.856	577.832.378
Chi phí đào tạo	165.617.272	170.379.819
Chi phí hội họp	43.700.000	65.800.000
Chi phí điện thoại	27.022.475	7.564.165
Kinh phí Đảng	462.465.000	429.855.000
Chi phí bằng tiền khác	990.784.494	664.669.817
	11.960.382.188	12.492.864.105
Trong đó, mua dịch vụ từ bên liên quan (Thuyết minh 28)	42.400.000	30.500.000

21. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu kiểm định đồng hồ nước	44.090.917	96.748.152
Phí bảo vệ môi trường thu hộ được giữ lại	253.481.590	234.764.475
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	43.636.364	48.227.272
Thu nhập khác	13.122.200	5.407.889
	354.331.071	385.147.788
Trong đó, thu nhập khác từ bên liên quan (Thuyết minh 28)	253.481.590	234.764.475

22. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí xét thầu	2.400.000	300.000
Chi phí kiểm định đồng hồ nước	3.340.000	4.710.000
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	4.340.000	-
Chi phí khác	15.456.891	77.151.332
	25.536.891	82.161.332

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận trước thuế	6.905.501.641	10.292.674.303
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không được trừ khi tính thuế	988.823.957	1.128.909.196
Thu nhập chịu thuế	7.894.325.598	11.421.583.499
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	1.578.865.119	2.284.316.700
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(270.634.986)	(336.702.551)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	1.861.699.619	2.218.249.135
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(553.469.486)	(270.634.986)

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.326.636.522	8.008.357.603
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.326.636.522	8.008.357.603
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.065	1.602

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.621.503.642	40.079.601.075
Chi phí nhân công	131.388.610.129	105.073.315.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.434.078.205	2.747.247.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.554.378.780	49.726.697.094
Chi phí khác bằng tiền	1.183.861.508	717.717.772
	256.182.432.264	198.344.579.441

26. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.478.437.201	-	51.959.079.639	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.035.017.223	-	68.891.826.767	-
	110.513.454.424	-	120.850.906.406	-
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác	49.259.989.665		53.248.904.716	
Chi phí phải trả	75.000.000		107.152.700	
	49.334.989.665		53.356.057.416	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.478.437.201	-	49.478.437.201
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.035.017.223	-	61.035.017.223
	110.513.454.424	-	110.513.454.424
01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.959.079.639	-	51.959.079.639
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.891.826.767	-	68.891.826.767
	120.850.906.406	-	120.850.906.406

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2021			
Phải trả người bán, phải trả khác	49.259.989.665	-	49.259.989.665
Chi phí phải trả	75.000.000	-	75.000.000
	49.334.989.665	-	49.334.989.665
01/01/2021			
Phải trả người bán, phải trả khác	53.248.904.716	-	53.248.904.716
Chi phí phải trả	107.152.700	-	107.152.700
	53.356.057.416	-	53.356.057.416

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV
Công ty TNHH thương mại N.T.P
Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn
Công ty Đầu tư Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước
Công ty Thương mại Dịch vụ Quảng trường Quốc tế
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh
Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Công Chánh
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước
Võ Thị Hồng Hà
Vũ Phương Thảo
Dương Hồng Đề

Nguyễn Thanh Phong

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cổ đồng
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty liên kết của Công ty mẹ
Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
(Miễn nhiệm ngày 17/06/2020)
Thành viên HĐQT

Bên liên quan

Mối quan hệ

Võ Nhật Trân
Hồ Lê Minh
Lê Thanh Sử

Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT

Huỳnh Hảo Tài

(Miễn nhiệm ngày 04/06/2021)
Giám đốc, Thành viên HĐQT
(Bổ nhiệm ngày 04/06/2021)

Hoàng Thế Bảo

Giám đốc, Thành viên HĐQT
(Miễn nhiệm ngày 17/06/2020)

Trần Thị Cẩm Vân

Thành viên HĐQT
Giám đốc

Võ Khánh Toàn

(Miễn nhiệm ngày 04/06/2021)
Phó Giám đốc

Trần Ngọc Hòa

(Miễn nhiệm ngày 24/01/2022)
Phó Giám đốc

Phạm Long Châu

(Miễn nhiệm ngày 31/03/2020)
Phó Giám đốc

Nguyễn Minh Hải

(Bổ nhiệm ngày 24/01/2022)
Phó Giám đốc

Phan Kim Phượng

Trưởng Ban kiểm soát

Nguyễn Ngọc Lương

Thành viên Ban kiểm soát

Nguyễn Thị Bảo Châu

Thành viên Ban kiểm soát

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Tổng công ty	Cung cấp dịch vụ	251.869.446.133	193.712.552.586
	+ Phân phối nước sạch	148.127.687.163	135.671.925.979
	+ Giảm thất thoát nước	19.005.406.079	11.686.383.215
	+ Thay, gắn đồng hồ nước	84.282.679.290	46.354.243.392
	+ Tư vấn quản lý dự án	453.673.601	-
	Thu nhập khác - Phí BVMT	253.481.590	234.764.475
	Mua vật tư ngành nước	30.985.058.012	15.765.614.461
	Nhận dịch vụ truyền thông	-	18.181.818
	Nhận dịch vụ đào tạo	42.400.000	30.500.000
Công ty TNHH Thương Mại N.T.P	Mua vật tư ngành nước	-	186.000.000

Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Khoản mục	Phải thu/ Phải trả tại	
		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Phải thu ngắn hạn khách hàng	60.197.307.485	67.295.298.449
	+ Thay, gắn đồng hồ nước	42.399.060.955	33.806.814.432
	+ Phân phối nước sạch	11.700.023.717	21.850.629.402
	+ Giảm thất thoát nước	5.969.982.623	10.672.410.727
	+ Quản lý công trình	128.240.190	965.443.888
	Phải trả người bán ngắn hạn	34.083.563.813	29.906.623.808
	Phải thu ngắn hạn khác	338.744.669	289.699.956
	Phải trả ngắn hạn khác	637.265.683	613.209.769

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Võ Thị Hồng Hà	Chủ tịch HĐQT	587.253.415	639.190.764
Vũ Phương Thảo	Thành viên HĐQT	83.432.011	32.500.000
Dương Hồng Đệ	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17/06/2020)	5.014.163	30.000.000
Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT	88.028.329	60.000.000
Võ Nhật Trân	Thành viên HĐQT	88.028.329	60.000.000
Hồ Lê Minh	Thành viên HĐQT	88.028.329	60.000.000
Lê Thanh Sử	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 04/06/2021)	37.932.011	32.500.000
Huỳnh Hảo Tài	Giám đốc, Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 04/06/2021)	280.875.303	-
Hoàng Thế Bảo	Giám đốc, Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17/06/2020)	26.971.429	471.365.822
Trần Thị Cẩm Vân	Thành viên HĐQT Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/06/2021)	384.357.229	265.857.727
Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24/01/2022)	497.966.414	588.998.331
Trần Ngọc Hòa	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/03/2020)	8.990.476	283.957.240
Nguyễn Minh Hải	Phó Giám đốc	398.042.165	46.122.531
Phan Kim Phụng	Trưởng Ban kiểm soát	488.132.414	566.228.906
Nguyễn Ngọc Lương	Thành viên Ban kiểm soát	60.518.414	42.000.000
Nguyễn Thị Bảo Châu	Thành viên Ban kiểm soát	60.518.414	42.000.000
		3.184.088.845	3.220.721.321

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

30. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2022.



Huỳnh Hảo Tài
Giám đốc

Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tường
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022



Số: 130 /BC-TA-HĐQT

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty hiện nay được bầu bổ sung tại Đại hội cổ đông vào tháng 6 năm 2021 với các thành viên như sau:

- Bà Võ Thị Hồng Hà: Chủ tịch HĐQT
- Huỳnh Hào Tài: Thành viên - kiêm Giám đốc
- Bà Vũ Phương Thảo: Thành viên
- Bà Trâm Thị Cẩm Vân: Thành viên
- Ông Võ Nhật Trân: Thành viên
- Ông Hồ Lê Minh: Thành viên
- Ông Nguyễn Thanh Phong: Thành viên

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp với đầy đủ các thành viên HĐQT, qua đó HĐQT đã ban hành 12 Nghị quyết, 09 Quyết định để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Số TT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
I. Nghị quyết			
1	07/NQ-HĐQT	28/01/2021	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.- Thống nhất dự thảo báo cáo tài chính năm 2020 của Ban điều hành.- Thống nhất giao cho Giám đốc Công ty được chủ động trong việc điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh, mua sắm vật tư tài sản, công

			<p>cụ dụng cụ và phát triển công nghệ thông tin đưa vào công tác quản lý và các dịch vụ thuê ngoài.</p> <p>- Thống nhất giao Giám đốc Công ty thương thảo và ký kết các hợp đồng với Tổng công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV trong năm 2020.</p> <p>- Thống nhất giao Giám đốc Công ty ký hợp đồng thuê tư vấn sửa đổi Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ, xây dựng quy chế Hội đồng quản trị.</p> <p>- Thống nhất thông qua thời gian dự kiến tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 trong tuần lễ từ 26/04/2021-29/04/2021.</p>
2	08/NQ-HĐQT	30/03/2021	<p>- Thông qua báo cáo tài chính năm đã kiểm toán.</p> <p>- Thông qua kế hoạch tài chính năm 2021 của Ban điều hành trình Đại hội.</p> <p>- Thông qua báo cáo thường niên của Ban Điều hành.</p> <p>- Thông qua các tờ trình chuẩn bị Đại hội cổ đông.</p> <p>- Thông qua phân công nhân sự cho Đại hội cổ đông.</p> <p>- Thông qua việc dời ngày tổ chức Đại hội cổ đông đến đầu tháng 6/2021.</p>
3	09/NQ-HĐQT	30/03/2021	<p>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính.</p>
4	10/NQ-HĐQT	30/3/2021	<p>- Thống nhất quỹ tiền lương, thù lao năm thực hiện năm 2020.</p> <p>- Thống nhất kế hoạch sử dụng lao động năm 2021 và dự thảo quỹ tiền lương thực hiện năm 2021.</p>
5	11/NQ-HĐQT	30/03/2021	<p>- Thống nhất ngày 04/6/2021 họp Đại hội đồng cổ đông.</p>

6	12/NQ-HĐQT	31/05/2021	- Thống nhất việc dời địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
7	13/NQ-HĐQT	31/05/2021	- Về việc bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
8	14/NQ-HĐQT	01/06/2021	- Về việc dời địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
9	15/NQ-HĐQT	04/06/2021	- Thống nhất việc miễn nhiệm Giám đốc Công ty là bà Trầm Thị Cẩm Vân kể từ ngày 04/6/2021. - Thống nhất bầu ông Huỳnh Hào tài giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 04/6/2021.
10	16/NQ-HĐQT	08/07/2021	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Hăng kiểm AASC là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. - Thống nhất chi tiền thưởng Người quản lý công ty năm 2020.
11	17/NQ-HĐQT	03/11/2021	- Thống nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán bởi Hăng Kiểm AASC ký ngày 19/08/2021. - Thống nhất Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm.
12	18/NQ-HĐQT	04/11/2021	- Thống nhất kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương, thù lao năm 2021. - Thống nhất thay thế Điều 2 Nghị Quyết 10/NQ-TA-HĐQT ngày 30/03/2021.

II. Quyết Định

1	10/QĐ-HĐQT	26/02/2021	- Về việc chỉ định chức danh Thư ký Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.
2	11/QĐ-HĐQT	30/03/2021	- Về việc ban hành Quy chế tài chính Công Ty sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu.
3	12/QĐ-HĐQT	04/06/2021	- Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ tám.

4	13/QĐ-HĐQT	04/06/2021	- Về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty bổ sung, sửa đổi lần thứ hai.
5	14/QĐ-HĐQT	04/06/2021	- Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.
6	15/QĐ-HĐQT	04/06/2021	- Về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Trần Thị Cẩm Vân.
7	16/QĐ-HĐQT	04/06/2021	- Về việc bổ nhiệm ông Huỳnh Hảo Tài giữ chức vụ Giám đốc Công ty.
8	17/QĐ-HĐQT	04/06/2021	- Về việc xếp lương cho người quản lý Công ty.
9	18/QĐ-HĐQT	04/06/2021	- Về việc thay đổi Người đại diện pháp luật.

Các thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, và đóng góp ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động Công ty.

* Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Công ty hiện chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Stt	Chủ trương của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2021	Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2021 (nội dung chi tiết theo báo cáo của Giám đốc Công ty).
2	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021	Đã chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.
3	Thông qua trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021	Đã thực hiện
4	Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký HĐQT năm 2021	Đã thực hiện

Stt	Chủ trương của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện
5	Giao HĐQT quyết định các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty cấp nước Sài Gòn	Đã thực hiện

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021

1. Tổng quan

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An, theo Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 26 tháng 08 năm 2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2021 là năm thứ bảy Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An (Cty Trung An) hoạt động theo mô hình Công ty Cổ Phần. Hiện nay, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên nắm giữ 65% vốn điều lệ; cổ đông Nguyễn Thanh Phong nắm giữ 15,85% vốn điều lệ; cổ đông Hồ Lê Minh nắm giữ 14,53% vốn điều lệ; còn lại 4,62% là của một số cổ đông cá nhân bên ngoài và của một số CB-CNV làm việc tại công ty.

Trong năm 2021, Cty Trung An tiếp tục cải tiến và ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, tình hình tài chính của Công ty phát triển lành mạnh, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính; nguồn vốn được bảo toàn và ngày càng phát triển.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, công ty cũng có nhiều khó khăn như:

- Hiện tượng nước có màu vẫn còn xảy ra, đặc biệt là địa bàn Huyện Hóc Môn, ảnh hưởng đến việc tiêu thụ nước của khách hàng dẫn đến sản lượng tiêu thụ chưa tương xứng với số lượng khách hàng hiện có.
- Trong năm, Tổng Công ty không phê duyệt việc thực hiện các dự án phát triển mạng lưới dẫn đến việc phát triển khách hàng chậm hơn so với những năm trước.
- Mặc dù Công ty đã phối hợp với địa phương, với Sở Tài nguyên môi trường và các phương tiện truyền thông vận động khách hàng trám lấp giếng để sử dụng nước sạch để đảm bảo sức khỏe nhưng sự chuyển biến chưa nhiều, tỉ lệ hộ dân ít sử dụng nước sạch (từ 0-4m³) vẫn còn ở mức cao (theo số liệu 2021 tỉ lệ này là 32,2%).

2. Những kết quả đạt được

- Trong năm 2021, đại dịch Covid-19 đã làm tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là sản lượng và doanh thu tiền nước đều không đạt kế hoạch Tổng Công ty giao. Tuy nhiên, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, Ban Điều hành sau thời gian giãn cách nên có 02 chỉ tiêu đã hoàn thành kế hoạch, các chỉ tiêu còn lại đều đạt trên 95%.

- Công ty đã có những giải pháp trong công tác tổ chức, lao động tiền lương đã mang lại hiệu quả bước đầu. Triển khai công tác khoán lương công tác thay đồng hồ nước cho công nhân 2 đội thi công tu bổ, góp phần làm tăng năng suất lao động để có thể đáp ứng công tác này trong những năm sắp tới do số lượng đồng hồ nước đến niên hạn cần thay rất cao.

- 2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)	
					=3/2	=3/1
		1	2	3	4	5
1	Nước tiêu thụ	68.698.551 m ³	73.000.000 m ³	72.146.719 m ³	98,8	105
2	Doanh thu tiền nước	607,467 tỷ đồng	683,993 tỷ đồng	655,169 tỷ đồng	95,8	107,9
	<i>Các chỉ tiêu khác về doanh thu:</i>					
	- Tỷ lệ thực thu đạt	98,91 %	99%	98,13 %	99,1	99,2
	- Giá bán bình quân	8.851 đồng/m ³	9.370 đồng/m ³	9.121 đồng/m ³	97,3	103,1
3	Gắn mới đồng hồ nước	6.363 ĐHN	7.500 ĐHN	4.963 ĐHN	66,17	77,99
4	Thay đồng hồ nước	34.876 ĐHN	77.688 ĐHN	77.696 ĐHN	100	222,8
	<i>Trong đó:</i>					
	+ ĐHN cỡ nhỏ	34.850 ĐHN	77.681 ĐHN	77.683 ĐHN	100	222,9
	+ ĐHN cỡ lớn	26 ĐHN	07 ĐHN	13 ĐHN	185,7	50
5	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	100%	100%	100%	100	100
6	Tỷ lệ nước không doanh thu	18,05 %	17,5 %	17,48%	Đạt KH	Giảm 0,57 so với 2020

2.2. Tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)	
						= 3/1	= 3/2
			1	2	3	4	5
1	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	Tỷ đồng	208,752	251,596	262,635	125,8 %	104,4 %
	Trong đó						
a	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	207,893	250,096	261,325	125,7 %	104,5 %

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)	
						= 3/1	= 3/2
			1	2	3	4	5
b	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	473	1.000	956	202%	95,6%
c	Doanh thu khác	Triệu đồng	385	500	354	92%	70,8%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,292	10,500	6,906	67,1%	65,8%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	8,008	8,700	5,327	66,5%	61,2%

Dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số trích	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối năm trước	Đồng	0	
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối năm nay	Đồng	5.327.000.000	
3	Quỹ khen thưởng	Đồng	477.000.000	
4	Quỹ phúc lợi	Đồng	200.000.000	
5	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	Đồng	150.000.000	
6	Cổ tức (9%)	Đồng	4.500.000.000	

Ngoài các chỉ tiêu chưa hoàn thành như: sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu tiền nước và gắn mới thì các chỉ tiêu còn lại và cả chỉ tiêu xây dựng cơ bản đều đạt kế hoạch giao năm 2021. Công tác giảm nước không doanh thu đã thu được kết quả tốt khi giảm tỷ lệ thất thoát bình quân năm 2021 xuống còn 17,48% (giảm 0,57 so với năm 2020).

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2021 đã giảm 0,57% so với năm 2020, tuy nhiên để duy trì và tiếp tục hạ thấp tỷ lệ này thì cần phải đẩy nhanh tiến độ xây dựng thêm các DMA (trong năm 2021 công tác này thực hiện còn chậm do Covid-19).

- Do có một số chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch được giao, dẫn đến lợi nhuận chỉ đạt 65,8% so với kế hoạch tài chính theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Việc phát triển khách hàng với số lượng cao trong nhiều năm qua (số lượng khách hàng hiện nay của Công ty gần 350.000 khách hàng) là nỗ lực rất lớn của toàn thể Ban lãnh đạo điều hành cũng như CB CNV Công ty, tuy nhiên tỉ lệ khách hàng sử dụng từ 0-4m³ chưa giảm nhiều do thói quen sử dụng nước giếng lâu đời của người dân trên địa bàn Công ty quản lý dẫn đến hiệu quả của nguồn vốn đầu tư chưa cao; sản lượng, giá bán bình quân và doanh thu tiền nước chưa đạt được như kỳ vọng.

III. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS, THƯ KÝ CÔNG TY

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An. Đối với thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách: Đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)	Thực lãnh (đồng/năm)	Ghi chú
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			468.000.000	
1	Huỳnh Hào Tài	TV HĐQT	6.500.000	45.500.000	(07 tháng)
2	Trần Thị Cẩm Vân	TV HĐQT	6.500.000	78.000.000	
3	Võ Nhật Trân	TV HĐQT	6.500.000	78.000.000	
4	Nguyễn Thanh Phong	TV HĐQT	6.500.000	78.000.000	
5	Hồ Lê Minh	TV HĐQT	6.500.000	78.000.000	
6	Vũ Phương Thảo	TV HĐQT	6.500.000	78.000.000	
7	Lê Thanh Sử	TV HĐQT	6.500.000	32.500.000	(05 tháng)
B	BAN KIỂM SOÁT			108.000.000	
STT	Họ và tên	Chức danh			Ghi chú
01	Nguyễn Thị Bảo Châu	TV BKS	4.500.000	54.000.000	
02	Nguyễn Ngọc Lương	TV BKS	4.500.000	54.000.000	
C	THƯ KÝ CÔNG TY			24.000.000	
01	Nguyễn Minh Hải	Thư ký	2.000.000	4.000.000	2 tháng
02	Phan Thị Hồng Cẩm	Thư ký	2.000.000	20.000.000	10 tháng

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

- Chủ tịch Hội đồng quản trị đều tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ với Ban Giám đốc, cán bộ chủ chốt của Công ty và một số cuộc họp quan trọng khác để bám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị, đánh giá việc triển khai thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đều báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và những công việc cần giải trình theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Có 01 thành viên HĐQT đồng thời cũng là Giám đốc Công ty, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

V. CÁC NỘI DUNG KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN HĐQT, BKS, BĐH

1. Trong năm 2021 tại Công ty tổ chức Đại hội cổ đông năm 2021 và đã có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị, Ban điều hành như sau:

- Bà Trầm Thị Cẩm Vân thôi giữ chức Giám đốc kể từ ngày 04/06/2021 và vẫn tiếp tục là thành viên HĐQT.
- Ông Huỳnh Hào Tài giữ chức vụ Thành viên HĐQT-Giám đốc Công ty từ ngày 04/06/2021.

1.1. Thành viên HĐQT:

- Bà Võ Thị Hồng Hà (Chủ tịch HĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.
- Ông Võ Nhật Trân (TVHĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.
- Ông Nguyễn Thanh Phong (TVHĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.
- Ông Hồ Lê Minh (TVHĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.
- Bà Trầm Thị Cẩm Vân (TV HĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.
- Bà Vũ Phương Thảo (TV HĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.
- Ông Huỳnh Hào Tài (TVHĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 04/06/2021.

1.2. Thành viên BKS:

- Bà Phan Kim Phượng (Trưởng ban KS). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.
- Bà Nguyễn Thị Bảo Châu (TV Ban KS). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.
- Ông Nguyễn Ngọc Lương (TV Ban KS). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.

1.3. Ban điều hành:

* Chức vụ Giám đốc công ty.

- Ông Huỳnh Hào Tài. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 04/06/2021.



* Chức vụ Phó Giám đốc công ty.

- Ông Võ Khánh Toàn. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.

- Ông Nguyễn Minh Hải. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 16/11/2020.

* Chức vụ Kế toán trưởng công ty.

- Ông Trần Đức Hùng. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 17/06/2020.

VI. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022, Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề sau:

- Chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông giao, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch.

- Tập trung nguồn lực giảm nước thất thoát thất thu một cách bền vững; tăng sản lượng nước tiêu thụ; giảm hóa đơn không sử dụng; tăng giá bán bình quân; nỗ lực cải tiến thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

- Phấn đấu xây dựng bộ tiêu chuẩn ISO 9001 trong Công ty.

- Lập kế hoạch tài chính và sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả.

- Tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

Để đạt được các chỉ tiêu đã đề ra, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng chiến lược phát triển của công ty, tăng cường công tác quản trị, giám sát Ban điều hành nhằm đạt được hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh, cũng như đạt được độ an toàn và hiệu quả cao nhất cho dòng vốn đầu tư của quý cổ đông.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu.



VÔ THỊ HỒNG HÀ

Số : 03/ BC-TA-BKS

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ về tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An;
- Nghị quyết số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021.

Ban Kiểm Soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tình hình hoạt động của BKS, kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty Cổ phần Cấp Nước Trung An năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022, căn cứ theo báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính công ty năm 2021 như sau:

I. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

1. Thành viên Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết số 09/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2020 với nhân sự BKS Công ty gồm 03 thành viên trong đó có 01 thành viên chuyên trách:

- | | |
|---------------------------|------------------|
| 1. Bà Phan Kim Phụng | - Trưởng Ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Bảo Châu | - Kiểm soát viên |
| 3. Ông Nguyễn Ngọc Lương | - Kiểm soát viên |

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An, BKS thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty chủ yếu:

- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH) và cán bộ quản lý khác trong hoạt động quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- Thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty;

- Tham gia thảo luận và có ý kiến về các báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính và kinh doanh của Công ty;

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính;

- Thảo luận kiểm toán viên độc lập những vấn đề khó khăn và tồn tại từ kết quả kiểm toán bán niên và cuối kỳ về tình hình kinh doanh của công ty;
- Trong các cuộc họp của HĐQT, BKS tham dự đầy đủ nhận định và góp ý kịp thời về tình hình kinh doanh, tài chính để hoàn thiện chính sách điều hành của Công ty;
- Tham gia ý kiến về các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tài chính của Công ty;
- Thường xuyên theo dõi việc triển khai và thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty;
- Thực hiện các công việc khác theo thẩm quyền của BKS được quy định theo pháp luật hiện hành.

3. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp theo định kỳ và thống nhất thông qua những nội dung sau:

- Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 trình ĐHĐCĐ thường niên.
- Trao đổi thảo luận việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính của Công ty.
- Thảo luận sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành.
- Xem xét tính pháp lý việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty năm 2021.
- Soát xét các Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Thực hiện các báo cáo soát xét về tình hình tài chính, kinh doanh so với chủ trương của Nghị quyết giao công ty và gửi Hội đồng quản trị theo từng quý và năm.
- Xem xét các tờ trình về xây dựng kế hoạch tài chính, dự trù kinh phí hoạt động, và một số quyết định ban hành về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xem xét kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính, kinh doanh và các hoạt động quản lý khác của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT công ty.
- Ngoài các phiên họp trực tiếp và online, BKS thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của các kiểm soát viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động qua mail, điện thoại,...

4. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

- Thù lao năm 2021 của thành viên BKS không chuyên trách thực hiện theo Nghị quyết số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông.
- Tiền thù lao của thành viên BKS không chuyên trách là 4.500.000 đồng/người/tháng và tổng tiền thù lao phải thanh toán trong năm là 108.000.000 đồng.
- Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách được xây dựng và chi trả theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH và Nghị quyết của Công ty.
- Công ty đã chi và hạch toán tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 theo quy định và được thể hiện trên báo cáo tài chính sau kiểm toán.

5. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, các kiểm soát viên luôn chủ động trong nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, BKS và luôn có những đề xuất, góp ý với HĐQT, Ban Giám đốc nhằm tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện các quy chế nội bộ, đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty. Với kết quả hoạt động đã nêu trên, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS phân công nhiệm vụ cho từng kiểm soát viên, tổ chức các phiên họp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ, quy định của Công ty. Trường hợp cần giải quyết những nội dung quan trọng trên báo cáo tài chính, BKS thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến kiểm soát viên qua thư điện tử, điện thoại, fax...

- Trong năm BKS đã thảo luận trình ĐHĐCĐ thường niên và ban hành Quy chế hoạt động BKS theo quy định pháp luật hiện hành.

- Các thành viên BKS luôn phát huy vai trò, chức năng nhiệm vụ trong giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong việc thẩm định kết quả kinh doanh của Công ty một cách trung thực, vì lợi ích cao nhất của cổ đông và gửi soát xét kết quả kinh doanh từng quý và năm đến HĐQT có nhận xét và những điểm cần lưu ý qua báo cáo của công ty.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS thường xuyên có những đề xuất, góp ý HĐQT, Ban giám đốc về việc triển khai hoạt động kinh doanh theo kế hoạch của ĐHĐCĐ và tuân thủ đúng quy định.

- Ban Kiểm soát hoạt động theo đúng quyền và trách nhiệm của mình quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của BKS, và các quy định của pháp luật hiện hành.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Thực hiện giám sát tình hình tuân thủ quy định pháp luật

- Công ty hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ tháng 02 năm 2015 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng;

- Ngày 16/04/2015 Công ty CP Cấp nước Trung An trở thành công ty đại chúng;

- Ngày 24/3/2016 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã có Giấy chứng nhận lưu ký chứng khoán số 25/2016/GCNCP-VSD cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;

- Ngày 22/07/2016, Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (Quyết định số 443/QĐ-SGDHN ngày 22/7/2016);

- Thực hiện công bố thông tin của Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các chế độ báo cáo định kỳ cho UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung Tâm lưu ký chứng khoán: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính,... đúng thời hạn quy định.

Trong năm qua, BKS không nhận được khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông bằng văn bản về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông

Theo Nghị quyết số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 04/06/2021 Công ty đã thực hiện như sau:

2.1 Thực hiện trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020:

- Công ty thực hiện chi trả cổ tức : 5.000.000.000 đồng (cổ tức 10% trên vốn điều lệ Công ty cho 5.000.000 cổ phiếu).
- Quỹ thưởng Ban Quản lý Điều hành : 300.000.000 đồng.
- Quỹ khen thưởng : 2.008.357.603 đồng.
- Quỹ phúc lợi : 700.000.000 đồng .

2.2 Thực hiện các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm 2021: Các chỉ tiêu về sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu hộ tiền nước, giá bán nước sạch bình quân, gắn ĐHN chưa đạt theo kế hoạch; chỉ tiêu thay đồng hồ nước và tỷ lệ thất thoát nước đạt kế hoạch cụ thể :

- Sản lượng nước tiêu thụ 72.146.719 m³ đạt 98,8% so kế hoạch 73.000.00 m³ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2020 là 68.698.551 m³.
- Doanh thu hộ tiền nước 655,169 tỷ đồng đạt 95,8% so với kế hoạch 683,993 tỷ đồng, thực thu tiền nước là 642,932 tỷ đồng.
- Tỷ lệ thực thu đương niên tiền nước là 98,13% đạt 99,1% so với kế hoạch 99% và đạt 99,2% so với thực hiện năm 2020 là 98,91%.
- Giá bán nước sạch bình quân là 9.121 đồng/m³ đạt 97,3% so với kế hoạch là 9.370 đồng/m³ và tăng so với thực hiện năm 2020 là 8.851 đồng/m³.
- Công tác thi công gắn mới đồng hồ nước 4.963 ĐHN đạt 66% so với kế hoạch 7.500 ĐHN, công tác gắn mới đồng hồ nước tùy thuộc vào nhu cầu gắn mới của khách hàng trên địa bàn quản lý và giảm so với cùng kỳ năm 2020 là 6.363 ĐHN.
- Công tác thay đồng hồ nước 77.696 ĐHN đạt và cao hơn so kế hoạch đầu năm là 67.688 ĐHN, do trong quý 4/2021 Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn -TNHH MTV bổ sung thay ĐHN thêm 10.000 ĐHN nên kế hoạch năm 2021 là 77.688 ĐHN và cao hơn cùng kỳ năm 2020 là 34.876 ĐHN.
- Công tác giảm thất thoát nước tỷ lệ là 17,48% gần đạt so với kế hoạch là 17,5% và có giảm so với cùng kỳ năm 2020 là 18,05%.
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch là 100% trên địa bàn quản lý.

2.3 Thực hiện chỉ tiêu tài chính, cổ tức năm 2021

- Công ty đạt tổng doanh thu 262.635.499.191 đồng đạt 104% so với kế hoạch 251.596.000.000 đồng và đạt 125% so thực hiện năm 2020 là 208.752.066.598 đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế là 6.905.501.641 đồng đạt 65% so với kế hoạch là 10.500.000.000 đồng và đạt 67 % so với thực hiện năm 2020 là 10.292.674.303 đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế 5.326.636.522 đồng đạt 61% so kế hoạch 8.700.000.000 đồng và đạt 66 % so với thực hiện năm 2020 là 8.008.357.603 đồng.
- Cổ tức dự kiến chi trả là 09% thấp hơn so với kế hoạch năm là 10-11%.

2.4 Thực hiện thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách và thư ký công ty

Công ty thực hiện chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách theo Nghị quyết số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021 với tổng chi phí là 576 triệu đồng, thù lao thư ký công ty là 24 triệu đồng đã được chi trả theo quy định.

2.5 Thực hiện các hợp đồng giao dịch với bên có liên quan Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn –TNHH MTV

Theo Nghị quyết số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021 ủy quyền cho HĐQT các hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty. HĐQT thống nhất giao Giám đốc Công ty thực hiện thương thảo và ký kết các hợp đồng dịch vụ với Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn-TNHH MTV gồm: Hợp đồng ủy quyền phân phối dịch vụ nước sạch, Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, Hợp đồng gắn, Hợp đồng thay đồng hồ nước và Hợp đồng giám thất thoát nước,...

2.6 Thực hiện chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2021

Hội đồng quản trị đã xem xét và ban hành Nghị quyết số 16/NQ-TA-HĐQT ngày 08/07/2021 thống nhất chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho báo cáo tài chính công ty năm 2021 đúng theo tinh thần của Nghị quyết số 10/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021.

- Như vậy, trong năm 2021 diễn biến dịch bệnh Covid -19 rất phức tạp phải thực hiện giãn cách xã hội, nhưng Công ty vẫn cố gắng thực hiện nhiệm vụ kinh doanh kết quả chỉ tiêu thay ĐHN, giảm thất thoát nước đạt kế hoạch; các chỉ tiêu khác như: sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu hộ tiền nước, gắn ĐHN chưa đạt theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 04/06/2021. Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và chi trả cổ tức, quỹ khen thưởng và phúc lợi cho Ban điều hành và Người lao động năm 2020 theo quy định.

3. Tình hình thực hiện kinh doanh

3.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Một số chỉ tiêu tài chính (thời điểm 31/12/2021) đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã thực hiện trong năm 2021 như sau:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020 (1)	Kế hoạch năm 2021 (2)	Thực hiện năm 2021 (3)	Tỷ lệ % 4=(3)/(1)
1	Tổng doanh thu	208.752.066.598	251.596.000.000	262.635.499.191	125,81
2	Tổng chi phí	198.459.392.295	241.096.000.000	255.729.997.550	128,85
3	Lợi nhuận trước thuế	10.292.674.303	10.500.000.000	6.905.501.641	67,09
4	Lợi nhuận sau thuế	8.008.357.603	8.700.000.000	5.326.636.522	66,51
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.602	1.740	1.065	66,47
6	Cổ tức	10%	10-11%	09% (dự kiến)	90

3.2 Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính của Công ty đã qua soát xét bởi Công ty kiểm toán độc lập, được Bộ Tài chính, UBCK Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán và trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức hàng năm.

-Theo nhận xét của Công ty Kiểm toán độc lập: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

- Một số chỉ tiêu tài chính (tại ngày 31/12/2021) đánh giá khái quát thực trạng tài chính năm 2021 của Công ty qua : chỉ tiêu về khả năng thanh toán, chỉ tiêu về cơ cấu vốn, chỉ tiêu về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời như sau :

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2020	Thực hiện Năm 2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,66	1,53
	Khả năng thanh toán nhanh	1,51	1,41
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Nợ phải trả trên tổng tài sản	0,55	0,57
	Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	1,25	1,30
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	18,40	22,25
	Doanh thu thuần trên tổng tài sản	1,44	1,84
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời(%)		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	3,85	2,04
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	5,48	3,71
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	12,45	8,44
	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	4,81	2,52

- BKS xem xét Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, nhìn chung tình hình kinh doanh trong năm về doanh thu dịch vụ nước sạch không đạt kế hoạch (doanh thu chủ yếu công ty) thực hiện 148 tỷ đồng so kế hoạch là 152 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế thực hiện 5,3 tỷ đồng thấp hơn so với kế hoạch năm 2021 là 8,7 tỷ đồng và cùng kỳ năm 2020 là 8 tỷ đồng thể hiện :

- Các chỉ số tài chính cơ bản thể hiện được tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

+ Khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty luôn đảm bảo, do hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn trong năm >1.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS) giảm so với cùng kỳ, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu dịch vụ phân phối nước sạch không thể thực hiện theo kế hoạch.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA) giảm so năm 2020, cho thấy qua dịch bệnh Covid-19 tình hình kinh doanh Công ty gặp khó khăn về thực thu tiền nước của khách hàng.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) thấp hơn năm trước, với tình hình dịch bệnh trong năm 2021 Công ty không thể đạt kết quả kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã ban hành.

Các chỉ số tài chính ROS, ROA, ROE các năm trước thường đạt năm sau cao hơn năm trước, tuy nhiên trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh và không thể lường trước được trong khoảng thời gian giãn cách xã hội không thể thực hiện những nhiệm vụ kinh doanh như đọc số, thu tiền, thay ĐHN,... nên ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh dẫn đến các chỉ tiêu này giảm so với cùng kỳ.

- Dòng tiền cuối năm đảm bảo phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn.

➤ Ban kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 kết thúc ngày 31/12/2021 do Công ty lập, và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC số : 280322.045/BCTC.FIS1 phát hành ngày 28/03/2022. Với nhận định là: Trong năm qua tình hình kinh doanh công ty do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 dẫn đến lợi nhuận không đạt theo kế hoạch, nhưng tình hình tài chính công ty ổn định, đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn, trích lập các quỹ theo quy định, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, chính sách đối với người lao động và đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông.

4. Báo cáo về giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan

Căn cứ tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 42 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp Nước Trung An, BKS nhận thấy:

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan theo tờ trình của công ty tại ĐHĐCĐ thường niên: Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn TNHH – MTV cung cấp dịch vụ qua các giao dịch cụ thể : phân phối nước sạch, gấn, thay đồng hồ nước và giám thất thoát nước.

Giá trị thực tế các giao dịch trên được thể hiện trên Báo cáo tài chính Công ty sau kiểm toán số: 280322.045/BCTC.FIS1 ngày 28/03/2022 (Thuyết minh 28).

➤ Công ty khi triển khai thực hiện các giao dịch giữa đơn vị với bên có liên quan tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Văn bản số 913/UBCK-GSĐC ngày 23/02/2022 về ĐHCĐ thường niên năm 2022.

5. Thực hiện giám sát tình hình quản lý và điều hành Công ty

5.1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

-Trong năm qua Hội đồng quản trị thực hiện báo cáo tổng kết nhiệm vụ năm 2020 và định hướng năm 2021 trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua hình thức họp trực tuyến, tại đại hội đã thực hiện bầu mới và miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ 2020-2025, trên cơ sở đó HĐQT đã thực hiện chức năng quyền và trách nhiệm của mình theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty trên nguyên tắc tập trung, dân chủ và vì lợi ích cao nhất của cổ đông.

- Trong năm 2021 HĐQT đã cụ thể hóa Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc đã ban hành các Nghị quyết và quyết định : 12 Nghị quyết (NQ số 07-18) và 09 Quyết định (QĐ số 10-18).

- Hội đồng quản trị thực hiện triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm với những nội dung chính: kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, thực hiện chi trả cổ tức, lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính, ban hành kịp thời các chủ trương về tình hình kinh doanh của Công ty,...

- Hội đồng quản trị đã ban hành Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động HĐQT với nội dung điều chỉnh, bổ sung theo quy định pháp luật hiện hành.

- Trong năm qua, với diễn biến của dịch bệnh Covid -19 làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của công ty, Hội đồng quản trị luôn theo dõi hoạt động Công ty và đã kịp thời ban hành những nghị quyết, để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.

- Ngoài những phiên họp định kỳ của HĐQT, khi có một số công việc cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Công ty, HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng điều lệ của Công ty cổ phần.

5.2. Ban Điều hành Công ty (BĐH)

- Trong năm Công ty có thay đổi nhân sự Ban Giám đốc: bổ nhiệm và miễn nhiệm chức danh Giám đốc đồng thời thay đổi Người đại diện theo pháp luật, trên cơ sở bộ máy quản lý mới Ban Điều hành Công ty đã thực hiện:

- Triển khai Nghị quyết vào từng lĩnh vực cụ thể: quản lý dịch vụ cấp nước, công tác gắn, thay đồng hồ nước, giảm thất thoát nước,... theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện trích lập các quỹ theo số phân phối lợi nhuận, và chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó luôn cân đối tình hình tài chính, thu hồi các khoản công nợ đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn, bảo toàn vốn cho cổ đông.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước để đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho khách hàng trên địa bàn quản lý.

- Tuân thủ quy định pháp luật và thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chính sách cho người lao động an tâm công tác.

- Trong năm qua, với diễn biến của dịch bệnh Covid-19 phải thực hiện giãn cách xã hội ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh, để Công ty hoạt động được liên tục và đảm bảo người lao động an tâm công tác. Ban Điều hành Công ty luôn theo dõi những chủ trương chỉ đạo của phòng chống dịch bệnh Covid-19 để kịp thời chỉ đạo phân công Phòng, Ban, Đội thực hiện nhiệm vụ kinh doanh và bảo đảm tài chính cho công ty.

- Bên cạnh việc thực hiện các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao, Ban Điều hành Công ty tập trung cải tiến thủ tục hành chính như: tiếp nhận hồ sơ gắn mới, nâng, dời đổi cỡ đồng hồ nước, đăng ký định mức qua hình thức online; cải tiến thủ tục gắn mới đồng hồ nước là 02 ngày (không kể thời gian xin phép đào đường); đẩy mạnh việc tương tác với khách hàng qua ứng dụng My Tawaco; cập nhật, điều chỉnh bổ sung các quy trình và thực hiện trên các ứng dụng, góp phần vào việc chuyển đổi số công ty.

5.3 Đánh giá sự phối hợp giữa BKS, HĐQT và BDH

- Trong năm qua, BKS luôn được sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi của HĐQT, BDH Công ty trong việc cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Hoạt động điều hành của Công ty, được thực hiện triển khai dưới sự chỉ đạo của HĐQT thông qua các nghị quyết và quyết định.

- Định kỳ hàng quý BKS có báo cáo soát xét gửi HĐQT, đều có những lưu ý và kiến nghị về tình hình kinh doanh tài chính của công ty. Những ý kiến của BKS được ghi nhận và triển khai thực hiện theo quy định.

- Ban Kiểm soát luôn theo dõi trong việc triển khai các chủ trương của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong những phiên họp của HĐQT, BKS tham gia đóng góp ý kiến trên nguyên tắc thận trọng và vì lợi ích tối đa của cổ đông, góp phần xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách điều hành của Ban Điều hành Công ty.

- Với nhiệm vụ của mình, BKS đánh giá HĐQT, BDH trong năm qua đã tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác.

III. Định hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện quyền và trách nhiệm của BKS, tăng cường công tác giám sát hoạt động Công ty trong năm 2022 cụ thể:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ đối với hoạt động của công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kinh doanh: doanh thu tiền nước, sản lượng nước tiêu thụ và quản lý dịch vụ cấp nước,...

- Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để kiến nghị HĐQT bổ sung và ban hành theo quy định hiện hành.

- Tăng cường giám sát thường xuyên các hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các nghị quyết của HĐQT và quyết định của BDH Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, thưởng, thù lao của Người quản lý và Người lao động; phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định.

- Thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, năm 2022 qua đó phân tích đánh giá tình hình tài chính và quản lý vốn tại Công ty, đồng thời có nhận định về kết quả kinh doanh của công ty.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT Cty;
- Ban GD Cty;
- TV BKS;
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Phan Kim Phụng



Số: 131/TTr-TA-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 và thông qua kế hoạch tài chính, chia cổ tức năm 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-TA-HĐQT, ngày 04/06/2021 về việc ban hành điều lệ sửa đổi Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sửa đổi lần thứ 8) của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;
- Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-TA-HĐQT, ngày 30/03/2021 về việc ban hành Quy chế Tài chính Công ty Cổ phần cấp nước Trung An (sửa đổi lần thứ 6);
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty 2021.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Cổ đông. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đóng góp và ủng hộ của quý Cổ đông của Công ty trong năm qua, nay Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021 và dự kiến Kế hoạch tài chính năm 2022 như sau:

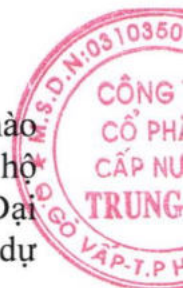
I. Trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận chia cổ tức năm 2021:

1. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ: Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.326.636.522
2	Quỹ khen thưởng	476.636.522
3	Quỹ phúc lợi	200.000.000
4	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	150.000.000
5	Chia cổ tức (9%)	4.500.000.000

2. Hình thức và thời điểm chia cổ tức năm 2021: Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chi trả cổ tức (dự kiến sau khi Đại hội cổ đông) và thực hiện việc chia cổ tức năm 2021 bằng tiền.



TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN
(NĂM 2022)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	KH2022/ TH2021 (%)
1	8	9	11
I- Sản lượng			
1. Sản lượng sản xuất chủ yếu	-	-	-
- Dịch vụ cấp nước	72.416.835	75.700.000	104,5%
- Gắn mới ĐHN	4.963	4.000	80,6%
- Thay hư ĐHN	77.696	80.796	104,0%
3. Giá thành đơn vị SP chủ yếu	-	-	-
- Dịch vụ cấp nước	-	-	-
- Gắn mới ĐHN	3.452.694	3.452.694	100,0%
- Thay hư ĐHN	874.724	874.724	100,0%
4. Giá bán các sản phẩm chủ yếu	-	-	-
- Dịch vụ cấp nước	-	-	-
- Gắn mới ĐHN	3.452.694	3.452.694	100,0%
- Thay hư ĐHN	909.241	909.241	100,0%
II. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu	262.635	299.142	113,9%
a. Doanh thu thuần	261.325	297.642	113,9%
b. Doanh thu hoạt động tài chính	956	1.000	104,6%
c. Doanh thu khác	354	500	141,2%
2. Lãi phát sinh			
a. Trước thuế TNDN	6.905	8.500	123,1%
- Sản xuất kinh doanh	5.658	7.250	128,1%
- Hoạt động tài chính	919	950	103,4%
- Hoạt động khác	328	300	91,5%
b. Sau thuế TNDN	5.326	6.800	127,7%
III. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN			
1. Từ hoạt động KD nội địa	16.359	15.300	93,5%
a. Thuế GTGT	13.042	12.000	92,0%
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt			-
c. Thuế TNDN	1.579	1.700	107,7%
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	1.738	1.600	92,1%
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	-	-	-
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-
IV. Thuế và các khoản đã nộp NSNN			

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	KH2022/ TH2021 (%)
1. Từ hoạt động KD nội địa	15.499	14.800	95,5%
a. Thuế GTGT	11.596	11.500	99,2%
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt			-
c. Thuế TNDN	1.862	1.700	91,3%
Trong đó: số nộp cho phát sinh năm trước	(271)	-	-
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	2.041	1.600	78,4%
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	-	-	-
3. Thu từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-
V. Nợ thuế	-	-	-
1. Nợ thuế từ hoạt động KD nội địa	4.172	500	12,0%
a. Thuế GTGT	4.875	500	10,3%
b. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-		-
c. Thuế TNDN	(553)	-	-
d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác	(150)	-	-
2. Từ hoạt động kinh doanh XNK	-	-	-
VI. Thu nhập của người lao động và người quản lý doanh nghiệp			
1. Tổng số lao động thực tế sử dụng	439	445	101,4%
2. Tổng quỹ lương của người lao động	89.901	93.652	104,2%
3. Tiền lương bình quân của người lao động(tr.đồng/người/tháng)	17,07	17,54	102,8%
4. Chi cho NLĐ từ quỹ lương (tr.đồng/người/tháng)	17,07	17,54	102,8%
5. Chi từ quỹ khen thưởng (tr.đồng/người/tháng)	0,3	0,3	-
6. Chi từ quỹ phúc lợi (tr.đồng/người/tháng)	0,1	0,1	-
- Khác... (chi tiết nếu có)	-	-	-
7. Số lượng quản lý doanh nghiệp	6	6	100,0%
8. Tổng quỹ lương, thù lao của người quản lý doanh	3.192	3.192	100,0%
Trong đó:			-
- Từ quỹ lương	2.592	2.592	100,0%
- Từ thù lao	600	600	100,0%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị Cty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Ban kiểm soát Cty;
- Lưu.



Huỳnh Hào Tài

II. Kế hoạch tài chính, dự kiến chia cổ tức năm 2021 (đính kèm bảng dự thảo kế hoạch tài chính chi tiết ngày 23 tháng 03 năm 2023):

ĐVT: Làm tròn số hàng triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Tổng doanh thu	299.142.000.000
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.500.000.000
3	Chia cổ tức	dự kiến 10%

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



VÕ THỊ HỒNG HÀ



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Số: 132 /TTr-TA-HĐQT

TỜ TRÌNH

**Về mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách
và thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An sửa đổi lần thứ tám ngày 04 tháng 06 năm 2021;

- Căn cứ Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty và ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng quản trị.

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức thù lao năm 2022 đối với thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Thư ký, như sau:

1. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 06 người

Mức thù lao: 6.500.000 đồng/người/tháng.

Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách là 6.500.000đ x 6 người x 12 tháng = **468.000.000 đồng/năm.**

2. Thù lao Ban Kiểm soát (không chuyên trách): 02 người

Mức thù lao: 4.500.000 đồng/người/tháng.

Tổng mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách: 4.500.000 đồng x 2 người x 12 tháng = **108.000.000 đồng/năm.**

3. Thù lao Thư ký Công ty: 01 người

Thù lao Thư ký Công ty: 2.500.000 đồng/tháng (30.000.000 đồng/năm).

Tổng quỹ thù lao năm 2022 của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là **576.000.000 đồng/năm** và Thư ký Công ty là **30.000.000 đồng/năm.**

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

VÕ THỊ HỒNG HÀ

Số: 04/TTr-TA-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

- Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

- Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022 (Đính kèm danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022);

- Danh sách công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022;

- Căn cứ Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;

Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Bộ Tài chính và UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng và Công ty niêm yết.
- Có tổ chức kiểm toán viên chuyên nghiệp, trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính.
- Có hệ thống kiểm soát chất lượng được xây dựng phù hợp với quy định của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.



2. Danh sách các Công ty kiểm toán được Ban kiểm soát đề xuất

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC - Số 1, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, tầng 5 Tháp B2 Tòa nhà Roman Plaza Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt- Số 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 01, Thành Phố Hồ Chí Minh.

3. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách các Công ty kiểm toán do Ban Kiểm soát đề xuất nêu trên.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một (01) trong ba (03) Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Phan Kim Phụng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Số: 133/TTr-TA-HĐQT

TỜ TRÌNH

**Về việc giao Hội đồng Quản trị quyết định các hợp đồng giao dịch với
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An sửa đổi lần thứ tám ngày 04 tháng 06 năm 2021;

Do đặc thù của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (theo đề án cổ phần hóa) là làm dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, doanh thu chủ yếu là từ các hợp đồng với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Các hợp đồng này hiện đang được ký hàng năm, mỗi đầu năm là phải tổ chức thương thảo, ký hợp đồng mới.

Các hợp đồng bao gồm:

- + Hợp đồng ủy quyền.
- + Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch
- + Hợp đồng thay đồng hồ nước
- + Hợp đồng thu hộ phí bảo vệ môi trường
- + Hợp đồng giảm thất thoát nước
- + Hợp đồng gắn mới đồng hồ nước

Và các hợp đồng nhượng vật tư ngành nước mua theo từng đợt theo yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Như vậy, nhằm đảm bảo cho Công ty Cổ phần cấp nước Trung An có nguồn thu để hoạt động liên tục, không bị gián đoạn, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận giao cho Hội Đồng quản trị quyết định các hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn trong năm 2022 theo thẩm quyền. Nếu thời điểm ký hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn trong khoảng thời gian chưa tổ chức Đại hội cổ đông thì Hội đồng quản trị tiếp tục quyết định về các hợp đồng và báo cáo tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Võ Thị Hồng Hà

Số: /NQ-TA-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2022;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Thông tư số 116/2020/TT-BTC");
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An sửa đổi, bổ sung lần thứ tám, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 04/06/2021;
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An sửa đổi, bổ sung lần thứ hai đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 04/06/2021;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 04/06/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2021 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2022 (báo cáo số 129/BC-TA-HĐQT ngày 28/03/2022 đính kèm), với các chỉ tiêu chính như sau:

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)	
					=3/2	=3/1
		1	2	3	4	5
1	Nước tiêu thụ	68.698.551 m ³	73.000.000 m ³	72.146.719 m ³	98,8	105
2	Doanh thu tiền nước	607,467 tỷ đồng	683,993 tỷ đồng	655,169 tỷ đồng	95,8	107,9
	Các chỉ tiêu khác về doanh thu:					
	- Tỷ lệ thực thu đạt	98,91 %	99%	98,13 %	99,1	99,2
	- Giá bán bình quân	8.851 đồng/m ³	9.370 đồng/m ³	9.121 đồng/m ³	97,3	103,1
3	Gắn mới đồng hồ nước	6.363 ĐHN	7.500 ĐHN	4.963 ĐHN	66,17	77,99
4	Thay đồng hồ nước	34.876 ĐHN	77.688 ĐHN	77.696 ĐHN	100	222,8
	Trong đó:				100	222,9

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)	
					=3/2	=3/1
		1	2	3	4	5
	+ ĐHN cỡ nhỏ + ĐHN cỡ lớn	34.850 ĐHN 26 ĐHN	77.681 ĐHN 07 ĐHN	77.683 ĐHN 13 ĐHN	185,7	50
5	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	100%	100%	100%	100	100
6	Tỷ lệ nước không doanh thu	18,05 %	17,5 %	17,48%	Đạt KH	Giảm 0,57 so với 2020

* Chỉ tiêu chủ yếu về tài chính năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ (%)	
						= 3/1	= 3/2
			1	2	3	4	5
1	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	Tỷ đồng	208,752	251,596	262,635	125,8%	104,4 %
	Trong đó						
a	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	207,893	250,096	261,325	125,7%	104,5 %
b	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	473	1.000	956	202%	95,6%
c	Doanh thu khác	Triệu đồng	385	500	354	92%	70,8%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,292	10,500	6,906	67,1%	65,8%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	8,008	8,700	5,327	66,5%	61,2%

* Các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH DOANH		
1	Nước tiêu thụ	75.700.000 m ³	
2	Doanh thu tiền nước (thu hộ Tổng Cty)	752,152 tỷ đồng	Giá bán bình quân là: 9.370 đồng/m ³

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
3	Gắn mới đồng hồ nước	4000 cái	
4	Thay định kỳ ĐHN <i>Trong đó:</i>	80.796 cái	
	<i>Thay ĐHN cỡ nhỏ</i>	80.787 cái	
	<i>Thay ĐHN cỡ lớn (≥ 40 ly)</i>	9 cái	<i>Bao gồm:</i> <i>40 mm: 06 cái</i> <i>50 mm: 02 cái</i> <i>100 mm: 01 cái</i>
5	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch <i>Trong đó:</i>	100 %	
	<i>Quận Gò Vấp</i>	100 %	
	<i>Quận 12</i>	100 %	
	<i>Quận Hóc Môn</i>	100 %	
6	Tỷ lệ thất thoát nước	17 %	
B	CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN (Vốn Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn)		
	Công tác phát triển mạng lưới cấp nước, giảm nước thất thoát thất thu, thay ống mới, di dời hệ thống cấp nước, sửa chữa ống mục: - Khối lượng - Giá trị - Giá trị giải ngân	10.210 m 22,010 tỷ đồng 47,491 tỷ đồng	

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, định hướng hoạt động năm hoạt động 2022 (*báo cáo số 130/BC-TA-HĐQT ngày 28/03/2022 đính kèm*).

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát năm 2021, định hướng hoạt động năm 2022 (*báo cáo số 03/BC-TA-BKS ngày 28/03/2022 đính kèm*).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán ngày 28/03/2022 và kế hoạch tài chính năm 2022 (*Tài liệu đính kèm*).

Điều 5. Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (*tờ trình số 03/TTr-TA-BKS ngày 28/3/2022 đính kèm*)

Điều 6. Thông qua Tờ trình về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 và thông qua kế hoạch tài chính, chia cổ tức năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (*tờ trình 131/TTr-TA-HĐQT ngày 28/03/2022 đính kèm*) với các chỉ tiêu chính như sau:

- Về trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.326.636.522
2	Quỹ khen thưởng	476.636.522
3	Quỹ phúc lợi	200.000.000
4	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	150.000.000
5	Chia cổ tức (9%)	4.500.000.000

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chi trả cổ tức năm 2021 (9% trên vốn Điều lệ) và thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (thực hiện trong quý II năm 2022).

- Các chỉ tiêu chính của kế hoạch tài chính, dự kiến chia cổ tức năm 2022:

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	299.142.000.000
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.500.000.000
3	Cổ tức	dự kiến 10%

Điều 7. Thông qua Tờ trình mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, Thư ký công ty năm 2022 (tờ trình 132//TTr-TA-HĐQT ngày 28/03/2022 đính kèm).

Điều 8. Thông qua Tờ trình về việc giao Hội đồng quản trị quyết định các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (tờ trình 133//TTr-TA-HĐQT ngày 28/03/2022 đính kèm).

Điều 9. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2022.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD CK Hà Nội;
- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- HĐQT Tcty;
- BGĐ Cty;
- P TCHC đăng website Cty;
- Lưu.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Võ Thị Hồng Hà